

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỌC VIỆN CHIẾN LƯỢC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BÁO CÁO THUYẾT MINH ĐIỀU CHỈNH
QUY HOẠCH HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Hà Nội, 2026

MỤC LỤC

I. MỞ ĐẦU	3
I.1. Tổng quan, sự cần thiết	3
I.2. Các căn cứ pháp lý	4
I.3. Đối tượng, phạm vi và thời kỳ lập quy hoạch điều chỉnh	6
I.4. Nội dung cơ bản của nhiệm vụ lập quy hoạch điều chỉnh	7
I.5. Tổ chức thực hiện quy hoạch điều chỉnh	8
II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH	8
II.1. Kết quả triển khai Quy hoạch hạ tầng TTTT đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số	8
II.2. Kết quả triển khai Quy hoạch hạ tầng TTTT đáp ứng yêu cầu tập trung các máy chủ về các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn	9
II.3. Kết quả rà soát, điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng TTTT lần 1	17
III. DỰ BÁO XU THẾ PHÁT TRIỂN	17
III.1. Xu hướng chung trên thế giới	17
III.2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới	20
III.3. Bài học kinh nghiệm có thể vận dụng đối với Việt Nam	24
III.4. Dự báo xu thế tại Việt Nam	25
IV. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA QUY HOẠCH VỚI YÊU CẦU MỚI	29
IV.1. Nội dung tiếp tục kế thừa	29
IV.2. Nội dung cần tiếp tục rà soát, cập nhật	29
IV.3. Quan điểm rà soát, bổ sung, điều chỉnh	30
V. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH	30

I. MỞ ĐẦU

I.1. Tổng quan, sự cần thiết

Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông (TTTT) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ, và được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 4409/QĐ-BKHCN ngày 24/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 07/8/2024 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng TTTT thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau 2 năm thực hiện, Quy hoạch đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

a) Yêu cầu của Đảng, Chính phủ

Tại Công văn số 1734-CV/VPTW ngày 13/4/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an được giao, *theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá, báo cáo cấp có thẩm quyền việc cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông theo hướng đồng bộ giữa 04 khối cơ quan, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và mô hình quản trị dựa trên dữ liệu.*

Bên cạnh đó, tại Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Trung ương và Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương được yêu cầu khẩn trương lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Đồng thời, tại Công văn số 5242/BTC-QLQH ngày 24/4/2026 của Bộ Tài chính về việc đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch tỉnh, các bộ, cơ quan, địa phương được đề nghị khẩn trương hoàn thành việc lập, điều chỉnh các quy hoạch trước ngày 01/7/2026.

Các chỉ đạo, yêu cầu nêu trên là cơ sở chính trị và thực tiễn quan trọng để rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng TTTT, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp với định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (KHHCN/ĐMST/CĐS) và yêu cầu tổ chức, vận hành hệ thống chính trị trong tình hình mới.

b) Điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng TTTT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với tình hình mới:

Hiện nay, bối cảnh phát triển của đất nước ta đã có những thay đổi lớn:

- *Thứ nhất*, đất nước ta vừa thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính từ Trung ương đến địa phương theo hướng tinh

gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, sau sắp xếp từ 64 tỉnh, thành phố còn 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đồng thời, tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (bỏ cấp huyện), sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, giảm từ 10.035 xuống còn 3.321 đơn vị hành chính cấp xã. Quá trình sắp xếp lại này đã làm thay đổi căn bản cấu trúc không gian phát triển nội tại của đất nước, tạo ra các đơn vị hành chính có quy mô lớn hơn, mở ra không gian phát triển.

- *Thứ hai*, mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên và trong giai đoạn 2026-2030 liên tục đạt mức hai con số (trên 10%); từ đây đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi các ngành, lĩnh vực phải có sự phát triển mang tính đột phá hơn so với những phương hướng, kế hoạch đã xác định trước đây.

- *Thứ ba*, thời gian vừa qua, nhiều quyết sách chiến lược lớn trong các lĩnh vực đã được ban hành, nhất là về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hội nhập quốc tế trong tình hình mới; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; phát triển kinh tế tư nhân... sẽ tạo ra thế và lực mới cho phát triển đất nước.

- *Thứ bốn*, việc hợp nhất Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Khoa học và Công nghệ mở rộng hơn phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, không chỉ hạ tầng mạng, truyền thông mà còn khoa học - công nghệ, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.

Từ các căn cứ nêu trên, kết hợp với việc thực hiện Công văn số 1734-CV/VPTW ngày 13/4/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW về điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng TTTT theo hướng đồng bộ giữa 04 khối cơ quan, phù hợp với yêu cầu phát triển KHCN/ĐMST/CĐS và mô hình quản trị dựa trên dữ liệu; việc khẩn trương rà soát, đánh giá và cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng TTTT là cần thiết, nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển mới, nâng cao tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống hạ tầng và đáp ứng tiến độ theo chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ.

I.2. Các căn cứ pháp lý

a) Các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý quy hoạch

Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;
Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;
Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;
Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;
Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Quyết định số 4409/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;
Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Việt Nam;
- Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Việt Nam.

b) Các chủ trương của Đảng

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 tại Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại;

- Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/2/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Thông báo số 06-TB/CQTTBCĐ ngày 27/9/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Phiên họp Thường trực Ban Chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu.

- Công văn số 1734-CV/VPTW ngày 13/4/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW, giao Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN), Bộ Công an theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá, báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông (TTTT) theo hướng đồng bộ giữa 04 khối cơ quan, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (KH&CN/ĐMST/CĐS) và mô hình quản trị dựa trên dữ liệu.

I.3. Đối tượng, phạm vi và thời kỳ lập quy hoạch điều chỉnh

Đối tượng và phạm vi quy hoạch tuân thủ theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024.

Đối tượng điều chỉnh quy hoạch:

Đối tượng điều chỉnh quy hoạch gồm các nội dung, cấu phần hạ tầng thông tin và truyền thông chịu tác động trực tiếp bởi yêu cầu đồng bộ hạ tầng giữa 04 khối cơ quan, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, quy định pháp luật mới về công nghiệp công nghệ số và việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa các bộ, ngành.

Cụ thể gồm 04 nhóm chính:

(1) Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

Đy là đối tượng điều chỉnh trọng tâm thứ nhất, nhằm bảo đảm đồng bộ hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu, phục vụ hoạt động của 04 khối cơ quan trong hệ thống chính trị.

(2) Mạng bưu chính KT1 phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

Đây là đối tượng điều chỉnh trực tiếp theo yêu cầu đồng bộ giữa 04 khối cơ quan, nhất là các nội dung liên quan đến tổ chức mạng lưới, phạm vi phục vụ, kết nối và bảo đảm thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành.

(3) Hệ thống trung tâm bưu chính vùng, trung tâm bưu chính khu vực và khu công nghệ số tập trung

Nhóm này được điều chỉnh chủ yếu về tên địa danh, phân bố theo đơn vị hành chính mới và tên gọi pháp lý. Trong đó, “khu công nghệ thông tin tập trung” được điều chỉnh thành “khu công nghệ số tập trung” để phù hợp với Luật Công nghiệp công nghệ số.

(4) Các nhiệm vụ trong Quy hoạch liên quan đến bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

Nhóm này điều chỉnh nhiệm vụ được giao, trách nhiệm tổ chức thực hiện, cơ quan chủ trì/phối hợp để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước mới giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an.

Phạm vi không gian:

Trong toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

Thời gian: Giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

I.4. Nội dung cơ bản của nhiệm vụ lập quy hoạch điều chỉnh

Nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tập trung rà soát, cập nhật, điều chỉnh một số nội dung của Quy hoạch đã được phê duyệt nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu đồng bộ hạ tầng giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, quy định mới của pháp luật về công nghiệp công nghệ số và chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước mới của các bộ, ngành có liên quan.

Việc lập điều chỉnh Quy hoạch không đặt vấn đề điều chỉnh toàn diện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, không làm thay đổi mục tiêu tổng quát, quan điểm phát triển, định hướng phát triển chủ yếu và cấu trúc tổng thể của Quy hoạch đã được phê duyệt. Nội dung điều chỉnh tập trung vào các cấu phần, nhiệm

vụ và nội dung tổ chức thực hiện có liên quan trực tiếp đến yêu cầu thực tiễn phát sinh trong quá trình triển khai Quy hoạch.

I.5. Tổ chức thực hiện quy hoạch điều chỉnh

- Cấp phê duyệt: Bộ Khoa học và Công nghệ
- Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch: Viện Chiến lược - Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

II.1. Kết quả triển khai Quy hoạch hạ tầng TTTT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Trong thời gian qua, Bộ KH&CN đã triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số, nền tảng số theo Quy hoạch hạ tầng TTTT, góp phần mở rộng năng lực kết nối, truyền dẫn, chia sẻ dữ liệu và vận hành các hệ thống thông tin trong hệ thống chính trị. Một số hạ tầng, nền tảng số quan trọng như Mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng mật và các hệ thống dùng chung đã từng bước được triển khai xuống cấp cơ sở, tạo nền tảng kỹ thuật cho việc kết nối, trao đổi thông tin, xử lý công việc trên môi trường số.

Đối với các khối cơ quan trong hệ thống chính trị, hạ tầng số và nền tảng số đã từng bước được mở rộng theo hướng liên thông, dùng chung. Khối cơ quan Quốc hội đã đưa hệ thống mạng mật và nền tảng số tới Hội đồng nhân dân 34 tỉnh, thành phố; khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục hoàn thiện hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và nền tảng dùng chung. Đây là cơ sở quan trọng để từng bước hình thành môi trường làm việc số thống nhất, an toàn, phục vụ kết nối giữa các cơ quan từ Trung ương đến địa phương.

Trong phạm vi quản lý, Bộ KH&CN đã triển khai 04 hệ thống mạng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước theo Quy hoạch. Trong đó, Mạng truyền số liệu chuyên dùng đã hoàn thành kết nối đến 22 bộ, ngành, 34 tỉnh, thành phố và 3.319 xã, phường; đồng thời hoàn thành kết nối mạng diện rộng của ngành Tòa án và ngành Kiểm sát qua Mạng truyền số liệu chuyên dùng từ Trung ương đến cấp cơ sở. Kết quả này góp phần bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn, ổn định cho các hệ thống thông tin quan trọng của cơ quan Đảng, Nhà nước.

Giai đoạn 2024-2025, Bộ KH&CN đã triển khai một số dự án trọng tâm nhằm nâng cao năng lực, độ an toàn và khả năng vận hành của hạ tầng chuyên dùng, gồm: đầu tư hệ thống thiết bị chuyển mạch, định tuyến lớp lõi; mở rộng các nút mạng truy nhập của Mạng truyền số liệu chuyên dùng; triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm năng lực và an toàn thông tin cho Mạng truyền số liệu chuyên

dùng trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; nâng cấp, hiện đại hóa trung tâm dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật nhà trạm phục vụ vận hành mạng chuyên dùng.

(Nội dung chi tiết trong Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi kèm)

II.2. Kết quả triển khai Quy hoạch hạ tầng TTTT đáp ứng yêu cầu tập trung các máy chủ về các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn

a) Thực trạng phát triển trung tâm dữ liệu tại Việt Nam

Theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, hạ tầng trung tâm dữ liệu (TTDL) tại Việt Nam bao gồm: (i) TTDL quốc gia phục vụ các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu dùng chung; (ii) cụm TTDL đa mục tiêu cấp quốc gia phục vụ hoạt động kinh tế - xã hội và cơ quan nhà nước trên phạm vi toàn quốc; (iii) TTDL đa mục tiêu cấp vùng đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội và cơ quan nhà nước trong phạm vi vùng; (iv) TTDL biên đặt gần người dùng để bảo đảm độ trễ thấp và độ tin cậy cao; (v) Digital Hub cung cấp dịch vụ cho Việt Nam và quốc tế, trung chuyển lưu lượng Internet và vận hành điện toán đám mây quy mô khu vực.

Trung tâm dữ liệu quốc gia

Ngày 30/10/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 175/NQ-CP phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, trong đó, giao Bộ Công an được Chính phủ giao xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành nhằm thực hiện việc tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật nhằm hình thành kho dữ liệu về con người và kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Trong đó, dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia là nền tảng cốt lõi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, bảo đảm quốc phòng, an ninh, là động lực quan trọng xây dựng kỷ nguyên mới thịnh vượng.

Đồng thời, cung cấp hạ tầng công nghệ cho các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ quan có nhu cầu sử dụng để khai thác, vận hành, nâng cao hiệu quả, bảo đảm an ninh mạng.

Dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia là nền tảng cốt lõi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, bảo đảm quốc phòng an ninh.

Trung tâm dữ liệu quốc gia chia thành 3 giai đoạn triển khai. Cụ thể: Giai đoạn 1 từ năm 2023 đến hết năm 2025 (giai đoạn xây dựng cơ sở); Giai đoạn 2 từ năm 2026 đến hết năm 2028 (giai đoạn mở rộng); Giai đoạn 3 từ năm 2029 đến hết năm 2030 (giai đoạn phát triển).

Trong thời gian vừa qua, Bộ Công an đã khai trương trụ sở Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1 rộng 20ha, nằm trong Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội) và đưa vào vận hành chính thức hệ thống Cơ sở dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Bên cạnh đó Bộ Công an cũng đang tiếp tục nghiên cứu, khảo sát để mở rộng quy mô Trung tâm dữ liệu quốc gia đáp ứng nhu cầu cung cấp hạ tầng dùng chung, dữ liệu dùng chung cho các cơ quan trong hệ thống chính trị, với lộ trình xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 2 từ năm 2026 đến 2028 (giai đoạn mở rộng) và xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 3 từ năm 2029 đến 2030, dự kiến đặt tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn phát triển).

Trên cơ sở đó, hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh đã và đang thực hiện theo yêu cầu Bộ Công an về việc bố trí quỹ đất xây dựng TTDL Quốc gia tại Thành phố theo Nghị quyết số 175/NQ-CP. Bộ Công an đã khảo sát, chấm chọn vị trí tại Lô I6, I7 Khu công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức. Đồng thời, Bộ công an đã khảo sát Khu công nghiệp Phạm Văn Hai I, II, III (tổng diện tích gần 900 ha) tại xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh và khu đất nông trường 460 ha thuộc Công ty TNHH MTV Bò sữa TP.HCM tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi để đề xuất phương án xây dựng Khu công nghiệp dữ liệu, Công viên số.

Về đối tượng sử dụng dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia. Đối với các bộ, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội: các hệ thống sử dụng hạ tầng nhà trạm, hạ tầng công nghệ thông tin tại vùng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia, gồm: Kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở được đồng bộ từ kho dữ liệu tổng hợp tại vùng chuyên dụng; Các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; Các hệ thống của cơ quan, tổ chức khối Đảng, Quốc hội, tổ chức chính trị - xã hội; Các hệ thống của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cơ quan nhà nước có nhu cầu sử dụng hạ tầng nhà trạm, hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu quốc gia. Đối với người dân và doanh nghiệp: Thực hiện cung cấp và khai thác dữ liệu thông tin của mình và dữ liệu trong kho dữ liệu mở tại vùng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

Tại Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 đã đặt ra mục tiêu cụ thể "Đến năm 2030, cơ bản các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương (có nhu cầu) được quản lý, lưu trữ ở Trung tâm dữ liệu quốc gia (trừ các hệ thống phục vụ quốc phòng, an ninh, các hệ thống chuyên ngành đặc thù khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định)", và "Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp cho bộ, ngành, địa phương chỗ đặt máy chủ và hạ tầng công nghệ thông tin dưới dạng Infrastructure as Services (dịch vụ cho phép sử dụng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cần thiết (kênh kết nối, mạng truyền dẫn nội bộ, an ninh mạng,...) cho việc triển khai hệ thống). Đồng thời cung cấp kênh quản trị an toàn để các đơn vị chủ động triển khai, bảo đảm an toàn thông tin hệ thống ứng dụng và vận hành

các dịch vụ liên quan của đơn vị". Đồng thời Quy định tại mục 3, Điều 2. Tổ chức thực hiện - Nghị quyết số 175/NQ-CP, Bộ Công an cũng là cơ quan đảm nhiệm:

"Là đầu mối phụ trách đăng ký việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của đơn vị hành chính nhà nước, doanh nghiệp với kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Là đầu mối tổng hợp nhu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin của bộ, ngành, địa phương, thiết kế và lên kế hoạch mở rộng, phát triển (về năng lực tính toán, năng lực lưu trữ, năng lực an ninh, phạm vi và độ lớn) để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng hàng năm".

Bên cạnh đó, ngày 30/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15. Luật Dữ liệu quy định Bộ Công an là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu. Trong Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dữ liệu (Quyết định số 75/QĐ-TTg ngày 11/01/2025), Thủ tướng Chính phủ cũng đã giao Bộ Công an chủ trì nội dung "Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và việc cung cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia cho các cơ quan nhà nước".

Hiện tại, Bộ Công an cũng đang tiếp tục hoàn thiện quá trình xây dựng các Dự thảo Nghị định liên quan của Luật Dữ liệu. Ngày 30/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 165/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu, trong đó quy định về việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; bảo đảm nguồn lực cho hoạt động của Trung tâm Dữ liệu quốc gia; trách nhiệm của các bên liên quan đến hoạt động dữ liệu. Nghị định này cũng quy định rõ các loại dịch vụ mà Trung tâm Dữ liệu quốc gia cung cấp, như dịch vụ hạ tầng, dịch vụ cung cấp máy chủ, và dịch vụ triển khai, vận hành hạ tầng kỹ thuật.

Ngoài ra, tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hình thành ngành công nghiệp dữ liệu của Việt Nam; do đó, hiện nay, Bộ Công an đang xây dựng Đề án phát triển khu công nghiệp về dữ liệu để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định, dự kiến Khu công nghiệp dữ liệu số 3 đặt tại thành phố Hồ Chí Minh sẽ được triển khai tại Giai đoạn 3 (2028 - 2035) của Đề án.

Thực trạng phát triển trung tâm dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương

Thực trạng phát triển trung tâm dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương về triển khai hạ tầng kỹ thuật, theo báo cáo của Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia,

tại Việt Nam, hiện nay đã có một số bộ, ngành và địa phương xây dựng hạ tầng vô trạm trung tâm dữ liệu/phòng máy chủ cho riêng đơn vị mình. Tuy nhiên, các trung tâm dữ liệu/phòng máy chủ này đều được triển khai trên nền tảng cải tạo các tòa nhà văn phòng làm việc để chuyển đổi công năng làm Trung tâm dữ liệu/phòng máy chủ, do đó. Vì vậy các trung tâm dữ liệu/phòng máy chủ này đều không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của 01 trung tâm dữ liệu hiện đại (Đạt mức Uptime-Tier 3 trở lên theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9250:2021 hoặc tiêu chuẩn ANSI/TIA-942).

Các bộ, ngành và địa phương còn lại thực hiện thuê hạ tầng vô trạm trung tâm dữ liệu của các đơn vị cung cấp dịch vụ cho thuê chỗ đặt Trung tâm dữ liệu tại Việt Nam như VNPT, Viettel, FPT... Hạ tầng vô trạm trung tâm dữ liệu của các đơn vị cho thuê chỗ đặt về cơ bản đều đã đạt tiêu chuẩn Uptime-Tier 3 hoặc TIA-942-B hoặc TCVN 9250:2021.

Về hạ tầng trang thiết bị, quá trình triển khai Chính phủ điện tử, chính phủ số tại Việt Nam đã diễn ra trong nhiều năm tuy nhiên sự phát triển về hạ tầng CNTT giữa các đơn vị là không đồng đều.

- Một số bộ, ngành địa phương đã triển khai hạ tầng trang thiết bị CNTT hiện đại (bao gồm cả hạ tầng CNTT tại trung tâm dữ liệu chính và trung tâm dữ liệu dự phòng) và triển khai rất nhiều hệ thống ứng dụng nghiệp vụ lớn, quan trọng ở mức quốc gia như: Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an; Hệ thống quản lý thuế tích hợp, hệ thống hóa đơn điện tử của Cơ quan Thuế; Hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và kho bạc của Kho bạc nhà nước; Hệ thống thông quan hải quan của Tổng cục Hải quan; Hệ thống quản lý thu, hệ thống quản lý chi trả chính sách của Bảo hiểm xã hội... Hạ tầng trang thiết bị CNTT tại các trung tâm dữ liệu này đã được các Bộ/Ngành đầu tư bài bản và triển khai, nâng cấp liên tục trong nhiều năm để đáp ứng yêu cầu hoạt động liên tục 24/7 của các hệ thống ứng dụng nghiệp vụ.

- Một số bộ, ngành địa phương chưa có đủ hạ tầng trang thiết bị CNTT nền tảng để triển khai các hệ thống CNTT cốt lõi phục vụ cho các công tác nghiệp vụ như: Bộ Tư pháp chưa hoàn thành việc triển khai hệ thống quản lý hộ tịch; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chưa có hệ thống CNTT và Cơ sở dữ liệu phục vụ giải quyết chính sách về việc làm, hỗ trợ người yếu thế...

- Một số Bộ/Ngành, địa phương hiện đang thực hiện thuê dịch vụ hạ tầng CNTT của các nhà cung cấp dịch vụ. Mặc dù việc thuê dịch vụ hạ tầng CNTT có nhiều ưu điểm như: Đảm bảo đầy đủ tài nguyên cho các hệ thống ứng dụng hoạt động; chi phí đầu tư ban đầu ít; không cần duy trì nguồn nhân lực để quản trị, vận hành hệ thống hạ tầng CNTT do đơn vị cung cấp dịch vụ đã thực hiện quản trị vận hành... Tuy nhiên việc nhà cung cấp dịch vụ quản trị vận hành hệ thống cũng có thể gây ra nhiều rủi ro cho hệ thống CNTT của các bộ, ngành, địa phương đặc biệt là về vấn đề đảo bảo an toàn, an ninh dữ liệu do các đơn vị đi thuê hạ tầng

không đủ biện pháp để đảm bảo sự an toàn của dữ liệu do được quản lý bởi nhân sự ngoài cơ quan nhà nước; Nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây có thể tận dụng, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ quan nhà nước vào mục đích kinh doanh của mình; Cơ quan nhà nước có thể bị phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.

Các nguy cơ, bất cập hiện hữu trong việc đầu tư, triển khai Trung tâm dữ liệu riêng biệt cho mỗi bộ, ngành và địa phương tại Việt Nam là:

- Dữ liệu phân tán: các bộ, ngành triển khai các dữ liệu chuyên ngành tập trung tại Trung ương hoặc phân tán tại địa phương. Tuy nhiên dữ liệu dùng chung giữa các Bộ, ngành không có sự nhất quán gây chòng chéo dữ liệu. Vấn đề về chất lượng dữ liệu, khả năng kế thừa và khả năng kết nối chia sẻ khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số, kinh tế dữ liệu chưa được quan tâm đúng mức.

- Việc đầu tư các Trung tâm dữ liệu không đạt chuẩn sẽ không đảm bảo mức độ an toàn của các hệ thống CNTT, dữ liệu của các đơn vị cũng như không tối ưu hiệu quả đầu tư do đầu tư manh mún, thiếu đồng bộ.

- Công tác xây dựng đội ngũ quản trị vận hành hệ thống cũng gặp nhiều bất cập khi trình độ Công nghệ thông tin không đồng đều ở các địa phương. Lực lượng công nghệ thông tin tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn. Do đó, tại nhiều địa phương, cán bộ phải thực hiện kiêm nhiệm công tác chuyên môn lẫn việc quản trị hệ thống CNTT dẫn đến tình trạng thiếu chuyên nghiệp, thiếu hiệu quả trong công tác đảm bảo vận hành và đặc biệt là đảm bảo an toàn an ninh của hệ thống.

Thực trạng phát triển trung tâm dữ liệu của các doanh nghiệp

Tại Việt Nam, hiện có 33 Trung tâm dữ liệu thuộc sở hữu của các doanh nghiệp viễn thông trong nước như VNPT, Viettel IDC, FPT Telecom, CMC Telecom. Trung tâm dữ liệu của Tập đoàn VNPT (với 7 Trung tâm dữ liệu lớn tại các địa bàn Nam Thăng Long - Hà Nội, Tân Thuận - TP Hồ Chí Minh, An Đồn - Đà Nẵng, Phạm Hùng - Hà Nội, Nguyễn Thị Minh Khai - TP Hồ Chí Minh và nhiều Trung tâm dữ liệu nhỏ đặt tại 63 VNPT Tỉnh/Thành phố), Trung tâm dữ liệu của Tập đoàn Viettel (với 05 Trung tâm dữ liệu ở các địa bàn Hòa Lạc - Hà Nội, Pháp Vân, Bình Dương, Hoàng Hoa Thám - TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng); Trung tâm dữ liệu của FPT; Trung tâm dữ liệu của Hanoi Telecom; Trung tâm dữ liệu của CMC; Trung tâm dữ liệu của VNG... Đồng thời, bắt đầu xuất hiện sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài như Gaw Capital và Worldwide DC Solution (Singapore).

Diễn hình vừa qua, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), đã khởi công xây dựng Trung tâm dữ liệu của Viettel tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi được triển khai trên diện tích gần 4 hecta, tổng công suất điện theo thiết kế 140 MW, cho phép lắp đặt khoảng 10.000 tủ rack, thuộc top 10 Đông Nam Á được thiết kế và vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế Uptime Tier III. Trung tâm dữ liệu áp dụng công nghệ làm mát mới, hệ thống quản lý dựa

trên trí tuệ nhân tạo, đồng thời ứng dụng công nghệ mới, vật liệu tiên tiến và dự kiến đạt chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE) dưới 1,4. Dự kiến hoạt động giai đoạn đầu từ quý 1/2026 và hoàn thành toàn bộ dự án trước năm 2030. Khi hoàn thành, đây dự kiến là Trung tâm dữ liệu (DC) đầu tiên của Việt Nam đạt công suất trên 100 MW, còn gọi là quy mô siêu lớn, tương đương các Trung tâm dữ liệu lớn trên thế giới.

Như vậy, hạ tầng Trung tâm dữ liệu của Việt Nam đã có nhiều bước tiến, tuy nhiên tổng công suất hiện tại mới đạt khoảng 182 MW, còn cách xa mục tiêu 870 MW đặt ra cho năm 2030. Trong những năm gần đây, trung tâm dữ liệu tại Việt Nam đã có bước phát triển đáng kể, song nhìn chung còn phân tán, quy mô nhỏ, chủ yếu phục vụ nhu cầu nội bộ, ít hệ thống trung tâm dữ liệu vùng hiện đại, đạt chuẩn quốc tế.

Thực trạng tiêu chuẩn trung tâm dữ liệu tại Việt Nam

Về tiêu chuẩn đối với trung tâm dữ liệu, ở nước ta đã ban hành TCVN TCVN 9250:2021- Trung tâm dữ liệu - Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông (Data centers. Telecommunications technical infrastructure requirement). TCVN 9250:2021 thay thế TCVN 9250:2012, được tham khảo theo tiêu chuẩn ANSI TIA-942-B (July 2017): Telecommunications Infrastructure Standard for Data Centers của Viện Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ.

Ngoài ra, ở trong nước hiện nay cũng có các quy định của pháp luật có liên quan đến quản lý, thiết kế, xây dựng và vận hành, khai thác TTDL bao gồm:

- Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu;

Ngày 30/11/2022, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 23/2022/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22 tháng 01 năm 2013 quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2023.

Thông tư 23/2022/TT-BTTTT có một số điểm bổ sung như sau:

+ Cập nhật các quy chuẩn kỹ thuật cập nhật về tiếp đất, chống sét, phòng chống cháy (QCVN 9:2016/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông và QCVN 32:2020/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông; QCVN 06:2020/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình).

+ Quy định áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến, phổ biến nhất trên thế giới về yêu cầu hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm dữ liệu (TCVN 9250:2021, TIA-942-B của ANSI/TIA và tiêu chuẩn Tier của Uptime Institute) và các doanh nghiệp công bố sự phù hợp theo các cấp độ xếp hạng phù hợp. Việc mở rộng các tiêu chuẩn áp

dụng cho phép doanh nghiệp chủ động lựa chọn tiêu chuẩn phù hợp nhằm đảm bảo chất lượng hạ tầng Trung tâm dữ liệu và là cơ sở để doanh nghiệp duy trì chất lượng dịch vụ trung tâm dữ liệu.

Như vậy, có thể thấy các quy định về tiêu chuẩn trung tâm dữ liệu tại Việt Nam đã được quy định khá đầy đủ và đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực. Tạo điều kiện để thúc đẩy mạnh mẽ phát triển trung tâm dữ liệu của Việt Nam trong thời gian tới.

b) Hiện trạng an toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số

Thời gian qua, hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng tại Việt Nam diễn ra ngày càng nguy hiểm hơn, quy mô hơn, có trọng tâm, trọng điểm nhắm vào các CSDL quốc gia, các hệ thống mạng, hệ thống thông tin trọng yếu của Đảng, Chính phủ¹, cơ sở hạ tầng trọng yếu về tài chính, y tế, viễn thông, điện lực, năng lượng tại Việt Nam². Từ năm 2024 đến nay, Bộ Công an đã phát hiện **83** chiến dịch tấn công mạng từ **45** nhóm tin tặc, gián điệp mạng quốc tế, với gần **5.700** chỉ dấu xâm nhập nhằm vào hệ thống thông tin trọng yếu. Đáng chú ý, với việc chuyển đổi sang mô hình chính quyền 2 cấp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, đối phương liên tục gia tăng tấn công doanh nghiệp cung cấp giải pháp CNTT, chuyển đổi số để tạo bàn đạp tấn công mở rộng, xâm nhập trên diện rộng.

Bên cạnh đó, tình hình lộ, mất bí mật nhà nước, rao bán dữ liệu trên không gian mạng tiếp tục đáng báo động. Qua triển khai công tác nghiệp vụ, từ đầu năm 2024 đến nay, Bộ Công an phát hiện **46** vụ việc có dấu hiệu lộ bí mật nhà nước trên không gian mạng với **234** đầu tài liệu (bao gồm: **07** tài liệu độ “Tuyệt mật”, **23** tài liệu độ “Tối mật”, **115** tài liệu “Mật” và nhiều tài liệu nội bộ, nhạy cảm) tại nhiều cơ quan, đơn vị³. Hoạt động mua bán dữ liệu tiếp tục diễn biến phức tạp, công khai trên một số diễn đàn, hội nhóm; các đối tượng tổ chức thành đường dây quy mô lớn, hoạt động chuyên nghiệp với hàng trăm thành viên tham gia.

¹ Văn phòng Quốc hội (**03** nhóm gián điệp mạng *Goblin Panda*, *Sharp Panda* và *Funny Dream* đã kiểm soát, khống chế thành công nhiều mục tiêu trong hệ thống mạng), Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, UBND Thành phố Hà Nội...

² Tổng Công ty quản lý bay Việt Nam, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam – PVEP, PVOil, Tổng công ty Điện lực miền Bắc, VNDirect...

³ Đài Tiếng nói Việt Nam, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, UBND Thành phố Hà Nội, Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ; Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh; Hệ thống Công báo điện tử Hà Tĩnh; Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị; Sở Công thương tỉnh Bình Dương; Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp; UBND tỉnh Đồng Tháp; UBND tỉnh Quảng Ngãi; UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Ban Tuyên giáo tỉnh Phú Yên; Đảng ủy khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Yên Bái; Phòng Kỹ thuật thuộc Hải đoàn 42 Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển; Ban chỉ huy quân sự xã Tân Đông, tỉnh Tây Ninh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; UBND huyện Mê Linh; Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang; UBND quận Long Biên; Đại học kinh tế Hồ Chí Minh; Sở Tài chính Hà Nam; Sở Tài chính Trà Vinh; Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Trà Vinh; UBND quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên; Ban chỉ huy quân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La; Liên minh hợp tác xã Kiên Giang; UBND tỉnh Lào Cai; Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Định...

Qua kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin và công tác quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của **các bộ, ngành, địa phương** ghi nhận: ⁽ⁱ⁾ Phát hiện hơn **3.800** điểm yếu, lỗ hổng bảo mật nghiêm trọng trên hệ điều hành, phần mềm, ứng dụng; ⁽ⁱⁱ⁾ Việc cấu hình các chính sách, giải pháp bảo mật chưa chặt chẽ tồn tại nguy cơ gây mất an ninh mạng, an toàn thông tin.

Một trong những nguyên nhân xảy ra thực trạng trên là việc đầu tư, triển khai các Hệ thống thông tin trong hệ thống chính trị chưa mang tính tập trung, thống nhất, các hệ thống đảm an toàn thông tin, an ninh mạng được triển khai manh mún, dàn trải dẫn đến không đủ điều kiện triển khai các tiêu chuẩn đảm bảo an ninh mạng tối thiểu. Trong bối cảnh các hệ thống thông tin, CSDL kết nối liên thông từ Trung ương đến địa phương đã mở rộng, việc kiểm soát và áp dụng đồng bộ các cấp độ bảo vệ an ninh mạng chi phí lớn và thiếu nguồn lực vận hành, quản trị. Thực tế đã có nhiều vụ việc tấn công mạng, chiếm đoạt bí mật nhà nước xảy ra trên hệ thống thông tin cấp cơ sở.

Tổng quan lại, trong 10 năm qua, thế giới đã ghi nhận hàng loạt vụ tấn công mạng nghiêm trọng nhằm vào dữ liệu cá nhân của người dân do các cơ quan chính phủ quản lý. Xu hướng này ngày càng gia tăng, với sự tham gia của các nhóm tội phạm mạng có động cơ tài chính, và các chiến dịch gián điệp mạng có yếu tố quốc gia, trong đó các thông tin bị lộ gồm có: Thông tin dữ liệu cá nhân: số căn cước, địa chỉ, ngày sinh; Hồ sơ y tế: dữ liệu bệnh án, lịch sử kê đơn thuốc; Thông tin bầu cử: dữ liệu đăng ký cử tri; Thông tin nhân sự chính phủ: hồ sơ nhân viên, dữ liệu an ninh. Thông tin tài chính, thuế: hồ sơ thuế, giao dịch hải quan.

Qua đánh giá hiện trạng tại Bộ/ngành/địa phương/doanh nghiệp/người dùng có thể thấy, các mối đe dọa an ninh thông tin tại Việt Nam tiếp tục leo thang trong suốt năm 2024 - 2025, Việt Nam chứng kiến sự gia tăng cả về số lượng, tần suất, mức độ tinh vi và quy mô của các sự cố: rò rỉ dữ liệu cá nhân quy mô lớn, tấn công mã độc, lừa đảo có khả năng gây thiệt hại lớn cho người dân và tổ chức. Việc này do cả nguyên nhân chủ quan (do yếu tố con người, quản trị, chính sách) và nguyên nhân khách quan (xu hướng công nghệ, tác nhân bên ngoài).

Các kết quả nêu trên cho thấy Quy hoạch hạ tầng TTTT đã từng bước được triển khai, hình thành nền tảng kỹ thuật quan trọng cho kết nối, truyền dẫn và vận hành một số hệ thống thông tin thiết yếu của cơ quan Đảng, Nhà nước. Đây là tiền đề để tiếp tục mở rộng liên thông, chia sẻ dữ liệu, phát triển các nền tảng số dùng chung và tiến tới vận hành thống nhất giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị theo mô hình quản trị dựa trên dữ liệu.

II.3. Kết quả rà soát, điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng TTTT lần 1

Thực hiện Thông báo số 06-TB/CQTTBCĐ ngày 27/9/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KH&CN/ĐMST/CĐS, Bộ KH&CN được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan rà soát, trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh hoặc ban hành quy hoạch hạ tầng công nghệ thông tin tổng thể từ Trung ương đến địa phương theo hướng tập trung máy chủ về các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn, đủ điều kiện triển khai đầy đủ các biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Bộ KH&CN đã phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan rà soát Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng TTTT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Do yêu cầu tiến độ phải hoàn thành trong tháng 12/2025, phạm vi điều chỉnh lần 1 được xác định theo hướng tập trung vào các nội dung cấp bách về hạ tầng công nghệ thông tin, tập trung máy chủ về trung tâm dữ liệu đạt chuẩn, bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu.

Kết quả, Bộ KH&CN đã ban hành Quyết định số 4409/QĐ-BKH&CN ngày 24/12/2025 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng TTTT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nội dung điều chỉnh lần 1 đã kịp thời cập nhật một số yêu cầu cấp bách về quy hoạch hạ tầng công nghệ thông tin tổng thể từ Trung ương đến địa phương, góp phần tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu.

Tuy nhiên, do phạm vi điều chỉnh lần 1 chủ yếu tập trung vào hạ tầng công nghệ thông tin, máy chủ và trung tâm dữ liệu đạt chuẩn, nên chưa bao quát đầy đủ các yêu cầu mới về liên thông, thống nhất, đồng bộ, dùng chung, vận hành thống nhất giữa 04 khối cơ quan và mô hình quản trị dựa trên dữ liệu. Vì vậy, Quy hoạch sau điều chỉnh lần 1 cần tiếp tục được rà soát, cập nhật để phù hợp với Quy định số 05-QĐ/BCĐTW, các khung kiến trúc, khung dữ liệu cấp quốc gia và yêu cầu chuyển đổi số trong toàn hệ thống chính trị.

III. DỰ BÁO XU THẾ PHÁT TRIỂN

III.1. Xu hướng chung trên thế giới

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra sâu rộng, nhiều quốc gia trên thế giới đang thay đổi cách tiếp cận đối với phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông. Hạ tầng thông tin và truyền thông không còn được nhìn nhận đơn thuần là hạ tầng viễn thông, mạng truyền dẫn, trung tâm dữ liệu hoặc các hệ thống công nghệ thông tin riêng lẻ của từng cơ quan. Thay vào đó, hạ tầng này ngày càng được đặt trong tổng thể phát triển hạ tầng số, hạ tầng công cộng số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đổi mới sáng tạo và quản trị dựa trên dữ liệu.

Theo cách tiếp cận mới, hạ tầng thông tin và truyền thông phải bảo đảm đồng thời nhiều yêu cầu: kết nối an toàn, ổn định; liên thông giữa các cơ quan; chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; hỗ trợ phát triển các nền tảng số dùng chung; tạo điều kiện cho ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây; đồng thời phục vụ ra quyết định dựa trên dữ liệu. Hạ tầng số vì vậy không chỉ là công cụ kỹ thuật, mà trở thành nền tảng thiết yếu để đổi mới phương thức quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực công và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Một xu hướng nổi bật là chuyển từ mô hình phát triển hạ tầng theo từng cơ quan, từng ngành, từng cấp sang mô hình hạ tầng số dùng chung, nền tảng dùng chung, dữ liệu dùng chung và tiêu chuẩn dùng chung. Trước đây, nhiều hệ thống công nghệ thông tin trong khu vực công được xây dựng theo nhu cầu riêng của từng cơ quan, dẫn đến phân tán hạ tầng, trùng lặp đầu tư, thiếu liên thông dữ liệu và khó phối hợp trong cung cấp dịch vụ công. Hiện nay, nhiều quốc gia chuyển sang cách tiếp cận “toàn bộ Chính phủ” và “toàn bộ khu vực công”, trong đó các cơ quan vẫn quản lý hệ thống, dữ liệu và nghiệp vụ của mình nhưng phải tuân thủ kiến trúc chung, chuẩn kết nối chung, chuẩn dữ liệu chung và quy định chung về an toàn, an ninh.

Xu hướng thứ hai là coi khả năng liên thông là nguyên tắc cốt lõi trong phát triển hạ tầng số. Liên thông không chỉ là kết nối kỹ thuật giữa các hệ thống, mà còn bao gồm liên thông về pháp lý, tổ chức, quy trình nghiệp vụ, dữ liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu cho thấy, muốn các dịch vụ công vận hành thông suốt qua ranh giới lãnh thổ, lĩnh vực và tổ chức, cần thiết lập khung liên thông thống nhất, bao gồm quy tắc chung, cơ chế quản trị chung và tiêu chuẩn chung. Điều này cho thấy, phát triển hạ tầng số đồng bộ cần được đặt ra ngay từ giai đoạn quy hoạch, thiết kế và đầu tư, thay vì xử lý liên thông sau khi các hệ thống đã được xây dựng riêng rẽ.

Xu hướng thứ ba là phát triển hạ tầng công cộng số như một nền tảng dùng chung cho cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế số. Hạ tầng công cộng số thường bao gồm các cấu phần cốt lõi như định danh số, thanh toán số, hệ thống chia sẻ dữ liệu, thông báo số, bưu chính số và các cơ sở dữ liệu gốc. Các cấu phần này giúp khu vực công tái sử dụng hạ tầng, giảm chi phí đầu tư, tăng tính thống nhất, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp và tạo nền tảng cho đổi mới sáng tạo trong khu vực tư nhân.

Xu hướng thứ tư là phát triển hạ tầng dữ liệu như một cấu phần trọng yếu của hạ tầng thông tin và truyền thông. Dữ liệu ngày càng được coi là tài nguyên chiến lược của quốc gia, là đầu vào quan trọng cho quản lý nhà nước, cung cấp

dịch vụ công, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo và kinh tế số. Vì vậy, hạ tầng thông tin và truyền thông không chỉ phục vụ truyền tải thông tin, mà còn phải phục vụ thu thập, lưu trữ, xử lý, chia sẻ, phân tích, bảo vệ và khai thác dữ liệu. Hạ tầng dữ liệu, các cơ sở dữ liệu gốc, nền tảng chia sẻ dữ liệu và cơ chế quản trị dữ liệu trở thành điều kiện quan trọng để chuyển từ quản lý dựa trên hồ sơ, thủ tục sang quản trị dựa trên dữ liệu.

Xu hướng thứ năm là phát triển các nền tảng số dùng chung trong khu vực công. Thay vì mỗi cơ quan xây dựng riêng các hệ thống định danh, xác thực, thanh toán, tích hợp dữ liệu, lưu trữ, phân tích, giám sát và bảo mật, nhiều quốc gia chuyển sang phát triển các nền tảng dùng chung để tái sử dụng trong nhiều dịch vụ, nhiều ngành, nhiều cấp. Cách tiếp cận này giúp giảm chi phí, rút ngắn thời gian triển khai, nâng cao tính thống nhất, tăng khả năng kiểm soát an toàn thông tin và cải thiện trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở để chuyển từ chính phủ điện tử sang chính phủ số, trong đó dịch vụ công được thiết kế theo nhu cầu của người sử dụng và vận hành dựa trên dữ liệu.

Xu hướng thứ sáu là gắn phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghiệp công nghệ số. Hạ tầng số của khu vực công không chỉ phục vụ nội bộ cơ quan nhà nước, mà còn tạo môi trường cho doanh nghiệp công nghệ số, viện nghiên cứu, trường đại học và các chủ thể đổi mới sáng tạo phát triển sản phẩm, dịch vụ mới. Dữ liệu mở, hạ tầng điện toán đám mây, nền tảng thử nghiệm, trung tâm dữ liệu, hạ tầng AI và các nền tảng kết nối có thể trở thành động lực thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, thương mại hóa công nghệ và nâng cao năng suất của nền kinh tế.

Xu hướng thứ bảy là tăng cường bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu ngay từ khâu thiết kế hạ tầng. Khi các hệ thống ngày càng liên thông, dữ liệu được chia sẻ nhiều hơn và các nền tảng số được dùng chung rộng rãi hơn, rủi ro an toàn, an ninh mạng cũng tăng lên. Vì vậy, nhiều quốc gia chuyển từ cách tiếp cận bảo vệ theo từng hệ thống riêng lẻ sang bảo vệ theo kiến trúc tổng thể, quản lý rủi ro, phân quyền truy cập, định danh số, mã hóa, giám sát liên tục, ghi nhật ký và bảo vệ dữ liệu theo mức độ nhạy cảm. Yêu cầu an toàn, an ninh mạng vì vậy trở thành một phần không thể tách rời của quy hoạch, kiến trúc và vận hành hạ tầng số.

Xu hướng thứ tám là tăng cường vai trò điều phối trung tâm trong phát triển hạ tầng số. Trong khu vực công, nếu mỗi cơ quan tự đầu tư, tự lựa chọn tiêu chuẩn, tự xây dựng cơ sở dữ liệu và tự vận hành hệ thống theo cách riêng, sẽ dễ dẫn đến phân tán, trùng lặp và khó liên thông. Do đó, nhiều quốc gia đã thiết lập hoặc tăng cường vai trò của các cơ quan điều phối về chính phủ số, dữ liệu, công nghệ số,

an toàn thông tin và hạ tầng số. Cơ quan điều phối có nhiệm vụ ban hành tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật, thúc đẩy dùng chung nền tảng, kiểm tra tuân thủ, hỗ trợ các cơ quan triển khai và xử lý các điểm nghẽn trong quá trình chuyển đổi số.

Xu hướng thứ chín là phát triển hạ tầng số theo hướng linh hoạt, thích ứng với thay đổi công nghệ và tổ chức bộ máy. Công nghệ số thay đổi nhanh, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, điện toán biên, Internet vạn vật, định danh số và an ninh mạng. Đồng thời, tổ chức bộ máy nhà nước, địa giới hành chính, mô hình quản trị và yêu cầu dịch vụ công cũng có thể thay đổi theo từng giai đoạn. Vì vậy, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cần đủ ổn định để định hướng đầu tư dài hạn, nhưng cũng phải đủ linh hoạt để cập nhật khi phát sinh yêu cầu mới.

Từ các xu hướng trên có thể thấy, phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên thế giới đang dịch chuyển từ mô hình “hạ tầng kỹ thuật phục vụ từng cơ quan” sang mô hình “hạ tầng số dùng chung phục vụ quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội và đổi mới sáng tạo”. Đồng bộ hạ tầng không chỉ là đồng bộ về mạng lưới, thiết bị hoặc trung tâm dữ liệu, mà còn là đồng bộ về kiến trúc, tiêu chuẩn, dữ liệu, nền tảng, bảo mật, tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp.

Đối với Việt Nam, các xu hướng này cho thấy việc điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cần được tiếp cận theo hướng kế thừa định hướng đã được phê duyệt, đồng thời cập nhật các yêu cầu mới về đồng bộ hạ tầng giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phát triển công nghiệp công nghệ số, bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và quản trị dựa trên dữ liệu. Đây là cơ sở để rà soát, điều chỉnh các nội dung liên quan đến mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng bưu chính KT1, trung tâm bưu chính vùng, trung tâm bưu chính khu vực, khu công nghệ số tập trung và các nhiệm vụ tổ chức thực hiện có liên quan.

III.2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới

Kinh nghiệm của Estonia: phát triển lớp trao đổi dữ liệu an toàn, phân tán

Estonia là một trong những quốc gia tiêu biểu về phát triển chính phủ số dựa trên hạ tầng trao đổi dữ liệu. Mô hình X-Road được giới thiệu là lớp trao đổi dữ liệu an toàn, cho phép các tổ chức thuộc khu vực công và khu vực tư gửi, nhận dữ liệu giữa các hệ thống thông tin một cách thống nhất và bảo mật.

Điểm đáng chú ý của Estonia là dữ liệu không nhất thiết phải tập trung toàn bộ vào một cơ sở dữ liệu duy nhất. Dữ liệu vẫn do từng cơ quan, tổ chức quản lý theo chức năng, nhiệm vụ của mình, nhưng việc trao đổi dữ liệu được thực hiện thông qua một lớp kết nối thống nhất, có cơ chế định danh, xác thực, ghi nhận

giao dịch và bảo đảm an toàn. Cách tiếp cận này vừa thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, vừa giữ được trách nhiệm quản lý dữ liệu của từng cơ quan.

Bài học rút ra là để đồng bộ hạ tầng giữa các cơ quan, cần có lớp hạ tầng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu an toàn và có khả năng mở rộng. Đối với Việt Nam, kinh nghiệm này gợi mở việc phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng và các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo hướng trở thành hạ tầng kết nối tin cậy, phục vụ trao đổi dữ liệu, liên thông ứng dụng và chỉ đạo, điều hành trong toàn hệ thống chính trị.

Kinh nghiệm của Singapore: phát triển hạ tầng số dùng chung gắn với quốc gia thông minh và chính phủ số

Singapore triển khai sáng kiến Quốc gia thông minh (Smart Nation) theo cách tiếp cận toàn quốc, trong đó công nghệ số, dữ liệu và thiết kế dịch vụ được sử dụng để xây dựng một xã hội số đáng tin cậy, bao trùm và hiệu quả. Kinh nghiệm nổi bật của Singapore tập trung phát triển các nền tảng và năng lực số dùng chung cho khu vực công, qua đó giúp các cơ quan nhà nước giảm trùng lặp trong đầu tư, tăng khả năng tái sử dụng giải pháp, rút ngắn thời gian triển khai dịch vụ số và bảo đảm tiêu chuẩn chung về bảo mật, dữ liệu, trải nghiệm người dùng.

Cách tiếp cận của Singapore cho thấy hạ tầng số cần được gắn với mục tiêu đổi mới sáng tạo trong khu vực công. Hạ tầng số không chỉ phục vụ vận hành hành chính nội bộ, mà còn là nền tảng để thiết kế lại dịch vụ công, khai thác dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phát triển đô thị thông minh và thúc đẩy hợp tác giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

Đối với Việt Nam, kinh nghiệm này cho thấy việc điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cần quan tâm đến mối liên hệ giữa hạ tầng kết nối, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng nền tảng và cơ chế tổ chức thực hiện. Đồng bộ giữa các khối cơ quan không chỉ là đồng bộ đường truyền, mà còn là đồng bộ khả năng phục vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật, chia sẻ dữ liệu và triển khai dịch vụ số liên thông.

Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu: lấy khả năng liên thông làm nguyên tắc cốt lõi

Liên minh châu Âu có đặc thù gồm nhiều quốc gia thành viên, nhiều cấp chính quyền, nhiều hệ thống pháp luật và hệ thống công nghệ khác nhau. Vì vậy, EU rất chú trọng xây dựng khung pháp lý và khung kỹ thuật về khả năng liên thông trong khu vực công. Interoperable Europe Act có hiệu lực từ ngày 11/4/2024, nhằm tăng cường khả năng phối hợp giữa các cơ quan hành chính công

và bảo đảm dịch vụ công có thể vận hành thông suốt qua ranh giới lãnh thổ, lĩnh vực và tổ chức.

Kinh nghiệm của EU cho thấy, trong môi trường có nhiều chủ thể cùng tham gia quản lý và vận hành hệ thống thông tin, vấn đề then chốt không chỉ là đầu tư hạ tầng, mà là thiết lập được khung liên thông thống nhất. Khung liên thông bao gồm liên thông về pháp lý, tổ chức, quy trình nghiệp vụ, dữ liệu và kỹ thuật.

Bài học rút ra phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông cần gắn với yêu cầu liên thông ngay từ giai đoạn quy hoạch. Đối với các hệ thống phục vụ nhiều khối cơ quan, nhiều cấp, nhiều ngành, cần xác định rõ nguyên tắc chung về kết nối, chia sẻ dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và trách nhiệm phối hợp.

Đối với Việt Nam, kinh nghiệm EU gợi mở đồng bộ hạ tầng không nên hiểu hẹp là đồng bộ thiết bị hoặc mạng truyền dẫn, mà cần bao gồm đồng bộ về tiêu chuẩn, dữ liệu, quy trình, bảo mật và mô hình quản trị. Đây là điểm quan trọng khi điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông theo yêu cầu đồng bộ giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị.

Kinh nghiệm của Vương quốc Anh: chuẩn hóa quản trị công nghệ số trong khu vực công

Kinh nghiệm của Vương quốc Anh cho thấy, để phát triển hạ tầng số đồng bộ, cần có nguyên tắc và tiêu chuẩn chung áp dụng cho các cơ quan. Nếu mỗi cơ quan đầu tư và vận hành hệ thống theo tiêu chuẩn riêng, kiến trúc riêng, dữ liệu riêng và cơ chế bảo mật riêng, việc liên thông về sau sẽ khó khăn, tốn kém và có nguy cơ tạo ra các “ốc đảo dữ liệu”.

Bài học rút ra là quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cần gắn với yêu cầu chuẩn hóa trong tổ chức thực hiện. Nội dung quy hoạch không chỉ xác định hạ tầng cần phát triển, mà còn cần định hướng các nguyên tắc về dùng chung, tái sử dụng, tiêu chuẩn mở, an toàn theo thiết kế, khả năng mở rộng, quản trị dữ liệu và tránh đầu tư trùng lặp.

Đối với Việt Nam, kinh nghiệm này có ý nghĩa trong việc rà soát, điều chỉnh phân tổ chức thực hiện Quy hoạch, tập trung phân công trách nhiệm giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan. Cần bảo đảm nhiệm vụ được giao đúng thẩm quyền, rõ trách nhiệm, tránh chồng chéo và bảo đảm khả năng phối hợp khi triển khai hạ tầng dùng chung.

Kinh nghiệm của Nhật Bản: tăng cường vai trò điều phối và thúc đẩy chiến lược dữ liệu

Nhật Bản thành lập Cơ quan Kỹ thuật số nhằm thúc đẩy xây dựng xã hội số và cải cách hoạt động của khu vực công theo hướng lấy người dùng làm trung

tâm. Cơ quan này có vai trò thúc đẩy các chương trình ưu tiên về xã hội số, bao gồm chuyển đổi số hành chính, sử dụng dữ liệu, cải cách quy định, ứng dụng AI và phát triển hạ tầng số.

Kinh nghiệm của Nhật Bản nhấn mạnh vai trò điều phối trung tâm trong bối cảnh hệ thống thông tin, dữ liệu và thủ tục hành chính phân tán giữa nhiều bộ, ngành, địa phương. Khi thiếu cơ chế điều phối, các hệ thống dễ phát triển rời rạc, thiếu liên thông và khó khai thác dữ liệu ở quy mô quốc gia.

Nhật Bản cũng chú trọng chiến lược dữ liệu và phát triển hạ tầng số phục vụ khả năng chống chịu, bao gồm các nội dung như dữ liệu, trung tâm dữ liệu, cáp biển, AI và số hóa thủ tục hành chính. Điều này cho thấy hạ tầng thông tin và truyền thông cần được nhìn nhận như nền tảng cho chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển AI và quản trị dựa trên dữ liệu.

Đối với Việt Nam, kinh nghiệm Nhật Bản gợi mở việc điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cần phân định rõ nội dung thuộc phạm vi quy hoạch hạ tầng với nội dung thuộc khung kiến trúc, kiến trúc cấp quốc gia, chiến lược dữ liệu và quản trị dữ liệu. Đồng thời, cần xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong từng nhóm nhiệm vụ để bảo đảm thống nhất, tránh chồng chéo và tăng hiệu quả tổ chức thực hiện.

Kinh nghiệm của Hàn Quốc: chuyển từ chính phủ điện tử sang chính phủ số

Hàn Quốc là quốc gia có nhiều kinh nghiệm trong phát triển chính phủ điện tử và đang thúc đẩy mô hình chính phủ hoạt động trên nền tảng số. Các tài liệu quốc tế về Hàn Quốc cho thấy nước này chú trọng sử dụng AI, dữ liệu, hạ tầng số và năng lực khu vực công để nâng cao năng suất, tính đáp ứng và trách nhiệm giải trình của chính phủ.

Mô hình chính phủ nền tảng số của Hàn Quốc nhấn mạnh việc chia sẻ, phân tích và khai thác dữ liệu giữa các cơ quan, phát triển nền tảng dữ liệu quốc gia và hệ thống phân tích dữ liệu dùng chung. Hạ tầng thông tin và truyền thông vì vậy không chỉ phục vụ kết nối kỹ thuật, mà còn phục vụ tích hợp dữ liệu, phân tích dữ liệu, ứng dụng AI và cung cấp dịch vụ công chủ động hơn.

Kinh nghiệm Hàn Quốc cho thấy, để chuyển từ chính phủ điện tử sang chính phủ số hoặc chính phủ nền tảng số, cần thay đổi cách tiếp cận về hạ tầng. Hạ tầng không chỉ gồm mạng và máy chủ, mà còn bao gồm hạ tầng dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, nền tảng chia sẻ dữ liệu, nền tảng phân tích, định danh số, bảo mật và cơ chế phối hợp liên cơ quan.

Đối với Việt Nam, kinh nghiệm này có ý nghĩa trong việc xác định định hướng phát triển hạ tầng phục vụ quản trị dựa trên dữ liệu. Mạng truyền số liệu chuyên dùng, trung tâm dữ liệu, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh mạng cần được quy hoạch theo hướng liên kết với nhau, phục vụ điều hành thông minh, phân tích dữ liệu và cung cấp dịch vụ số liên thông.

III.3. Bài học kinh nghiệm có thể vận dụng đối với Việt Nam

Từ kinh nghiệm quốc tế, có thể rút ra một số bài học chủ yếu cho việc điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông như sau:

- Thứ nhất, cần chuyển từ tư duy phát triển hạ tầng riêng lẻ sang phát triển hạ tầng số dùng chung, liên thông và có khả năng mở rộng. Quy hoạch cần thể hiện rõ mối quan hệ giữa hạ tầng kết nối, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng nền tảng, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng bảo đảm an toàn, an ninh mạng và các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành.

- Thứ hai, đồng bộ hạ tầng giữa các khối cơ quan không chỉ là đồng bộ về mạng truyền dẫn, mà còn là đồng bộ về kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu, phương thức kết nối, quy trình vận hành, mô hình bảo mật và cơ chế phối hợp.

- Thứ ba, cần phát triển lớp hạ tầng tích hợp, chia sẻ dữ liệu an toàn giữa các cơ quan. Kinh nghiệm Estonia và EU cho thấy hạ tầng trao đổi dữ liệu và khung liên thông có vai trò trung tâm trong chính phủ số và quản trị dựa trên dữ liệu.

- Thứ tư, cần xác định dữ liệu là tài nguyên chiến lược và là đối tượng quản trị quan trọng. Hạ tầng thông tin và truyền thông không chỉ phục vụ truyền tải thông tin, mà còn phải phục vụ thu thập, lưu trữ, xử lý, chia sẻ, phân tích và khai thác dữ liệu.

- Thứ năm, cần gắn phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông với đổi mới sáng tạo, AI, công nghiệp công nghệ số và phát triển kinh tế số. Hạ tầng số của khu vực công có thể tạo dữ liệu, tạo nền tảng, tạo thị trường và tạo môi trường thử nghiệm cho doanh nghiệp công nghệ số, viện nghiên cứu, trường đại học và các chủ thể đổi mới sáng tạo.

- Thứ sáu, cần tăng cường vai trò điều phối thống nhất trong phát triển hạ tầng số. Khi nhiều bộ, ngành, địa phương và khối cơ quan cùng tham gia, nếu thiếu cơ chế điều phối chung sẽ dễ dẫn đến đầu tư trùng lặp, tiêu chuẩn không thống nhất, dữ liệu phân tán và khó liên thông.

- Thứ bảy, cần coi an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu là yêu cầu xuyên suốt trong quy hoạch. Hạ tầng càng liên thông, dùng chung và

dựa trên dữ liệu thì yêu cầu bảo mật, phân quyền, kiểm soát truy cập và giám sát càng quan trọng.

- Thứ tám, cần bảo đảm quy hoạch có tính thích ứng với thay đổi công nghệ và tổ chức bộ máy. Quy hoạch cần đủ ổn định để định hướng đầu tư dài hạn, nhưng cũng đủ linh hoạt để cập nhật khi có thay đổi về địa giới hành chính, chức năng nhiệm vụ, yêu cầu bảo mật, công nghệ mới và mô hình quản trị mới.

III.4. Dự báo xu thế tại Việt Nam

Trong thời gian tới, phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông tại Việt Nam tiếp tục chịu tác động của yêu cầu chuyển đổi số quốc gia, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ số, quản trị dựa trên dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng. Bên cạnh đó, việc sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa các bộ, ngành và yêu cầu đồng bộ hạ tầng giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị đặt ra yêu cầu cập nhật, điều chỉnh một số nội dung của Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

Trên cơ sở định hướng phát triển của Việt Nam, xu hướng quốc tế và yêu cầu thực tiễn phát sinh trong quá trình triển khai Quy hoạch, có thể dự báo một số xu thế chủ yếu sau:

Hạ tầng thông tin và truyền thông tiếp tục giữ vai trò nền tảng phục vụ chuyển đổi số quốc gia

Hạ tầng thông tin và truyền thông không chỉ là hạ tầng kỹ thuật phục vụ kết nối, truyền dẫn, lưu trữ thông tin, mà ngày càng trở thành hạ tầng nền tảng phục vụ chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghiệp công nghệ số.

Các cấu phần như mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng bưu chính KT1, trung tâm dữ liệu, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành và hạ tầng bảo đảm an toàn, an ninh mạng có xu hướng liên kết chặt chẽ hơn. Vì vậy, Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cần tiếp tục được triển khai theo hướng đồng bộ, liên thông, dùng chung và an toàn.

Tuy nhiên, trong phạm vi điều chỉnh lần này, việc cập nhật cần tập trung vào các nội dung thật sự cần thiết, không mở rộng sang điều chỉnh toàn diện Quy hoạch, không làm thay đổi mục tiêu, quan điểm và định hướng lớn đã được phê duyệt.

Yêu cầu đồng bộ hạ tầng giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị ngày càng cấp thiết

Trong bối cảnh chuyển đổi số và quản trị dựa trên dữ liệu, hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị ngày càng cần sự liên thông, phối hợp và chia sẻ thông tin, dữ liệu. Do đó, yêu cầu đồng bộ hạ tầng giữa khối cơ quan Đảng,

khôi cơ quan Quốc hội, khôi cơ quan Chính phủ và chính quyền địa phương, khôi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội sẽ ngày càng rõ nét.

Đồng bộ hạ tầng không chỉ là đồng bộ về mạng lưới kết nối, mà còn là đồng bộ về tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu an toàn, an ninh, phương thức vận hành, khả năng liên thông và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Các hệ thống của từng khối cơ quan vẫn có thể được quản lý theo chức năng, nhiệm vụ riêng, nhưng cần bảo đảm khả năng kết nối, phối hợp và vận hành thống nhất khi phục vụ nhiệm vụ chung.

Theo đó, mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước cần được rà soát, điều chỉnh theo hướng là hạ tầng kết nối an toàn, tin cậy, phục vụ liên thông, chia sẻ dữ liệu, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số trong toàn hệ thống chính trị.

Mạng bưu chính KT1 tiếp tục là hạ tầng đặc thù phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

Mặc dù phương thức trao đổi thông tin điện tử ngày càng phát triển, mạng bưu chính KT1 vẫn tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, nhất là đối với việc chuyển phát tài liệu, văn kiện, công văn, tài liệu mật và các nhiệm vụ thông tin đặc thù.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp làm thay đổi địa bàn phục vụ, đầu mối hành chính và phạm vi tổ chức mạng lưới. Do đó, mạng bưu chính KT1 cần được rà soát, cập nhật để phù hợp với mô hình tổ chức mới, bảo đảm phục vụ thông suốt, an toàn, bảo mật và không bị gián đoạn.

Trong thời gian tới, mạng bưu chính KT1 cần tiếp tục được phát triển theo hướng bảo đảm an toàn, bảo mật, ổn định, đồng thời từng bước ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát, truy xuất, điều hành và nâng cao chất lượng phục vụ.

Mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đặt ra yêu cầu cập nhật địa danh và không gian hạ tầng

Việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính tác động trực tiếp đến địa danh, phạm vi phục vụ, đầu mối triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện trong Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông. Do đó, các nội dung liên quan đến trung tâm bưu chính vùng, trung tâm bưu chính khu vực, khu công nghệ số tập trung và các cấu phần hạ tầng khác cần được cập nhật phù hợp với địa danh hành chính mới.

Xu thế đặt ra là Quy hoạch cần bảo đảm ổn định về định hướng phát triển dài hạn, đồng thời linh hoạt cập nhật địa danh, mô tả không gian và phân công trách nhiệm khi tổ chức bộ máy nhà nước thay đổi. Việc cập nhật địa danh không chỉ có ý nghĩa kỹ thuật, mà còn bảo đảm tính thống nhất, hợp pháp và khả thi trong tổ chức thực hiện Quy hoạch sau điều chỉnh.

Đối với các trung tâm bưu chính vùng, trung tâm bưu chính khu vực và khu công nghệ số tập trung, việc rà soát cần tập trung vào tên địa danh, phạm vi phục

vụ, vai trò trong mạng lưới và mối liên hệ với các vùng động lực phát triển. Trường hợp việc thay đổi địa giới hành chính làm phát sinh yêu cầu điều chỉnh mô tả không gian hoặc đầu mối tổ chức thực hiện, cần cập nhật tương ứng để tránh chồng chéo hoặc bỏ sót trách nhiệm.

Công nghiệp công nghệ số tạo yêu cầu cập nhật thuật ngữ và định hướng đối với khu công nghệ số tập trung

Việc ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số tạo cơ sở pháp lý mới cho phát triển công nghiệp công nghệ số, trong đó có các nội dung liên quan đến sản phẩm, dịch vụ, nền tảng, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, tài sản số và khu công nghệ số tập trung. Xu thế này đặt ra yêu cầu rà soát, cập nhật các nội dung trong Quy hoạch có liên quan đến hạ tầng phục vụ công nghiệp công nghệ số.

Trong phạm vi điều chỉnh Quy hoạch lần này, nội dung cần thiết là điều chỉnh tên gọi “khu công nghệ thông tin tập trung” thành “khu công nghệ số tập trung” để bảo đảm thống nhất với quy định pháp luật hiện hành. Việc điều chỉnh này chủ yếu nhằm cập nhật thuật ngữ pháp lý, bảo đảm thống nhất trong hệ thống văn bản, đồng thời phản ánh xu hướng phát triển mới của công nghiệp công nghệ số.

Hạ tầng dữ liệu và quản trị dựa trên dữ liệu đặt ra yêu cầu cao hơn về kết nối, chia sẻ và bảo đảm an toàn

Dữ liệu ngày càng trở thành nguồn lực quan trọng trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Vì vậy, hạ tầng thông tin và truyền thông cần được phát triển theo hướng hỗ trợ kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu.

Trong thời gian tới, mô hình quản trị dựa trên dữ liệu đòi hỏi các cơ quan trong hệ thống chính trị có khả năng kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách, giám sát thực thi và cung cấp dịch vụ công. Điều này đặt ra yêu cầu cao hơn đối với mạng truyền số liệu chuyên dùng, các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, trung tâm dữ liệu và các hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

An toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu là yêu cầu xuyên suốt trong phát triển hạ tầng dùng chung

Khi các hệ thống thông tin ngày càng liên thông, dữ liệu được chia sẻ rộng hơn và hạ tầng được dùng chung giữa nhiều cơ quan, yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu sẽ trở nên quan trọng hơn. Hạ tầng càng mở, càng liên thông, càng dựa trên dữ liệu thì càng cần cơ chế bảo mật thống nhất, phân quyền chặt chẽ, giám sát liên tục và xử lý sự cố kịp thời.

Trong bối cảnh chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng đã có sự điều chỉnh sau sắp xếp tổ chức bộ máy, việc rà soát, điều chỉnh các nhiệm vụ trong Quy hoạch là cần thiết để bảo đảm thống nhất với chức năng,

nhiệm vụ mới của Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan.

Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cần ổn định về định hướng, linh hoạt trong cập nhật

Công nghệ số, tổ chức bộ máy, mô hình quản trị và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đều thay đổi nhanh. Vì vậy, Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cần bảo đảm hai yêu cầu song song: ổn định về mục tiêu, quan điểm, định hướng lớn; linh hoạt trong cập nhật các nội dung kỹ thuật, địa danh, nhiệm vụ và phân công tổ chức thực hiện khi có thay đổi về pháp luật, tổ chức bộ máy hoặc công nghệ.

Đối với lần điều chỉnh này, xu thế phù hợp là điều chỉnh có trọng tâm, có phạm vi rõ, không làm thay đổi toàn diện Quy hoạch đã được phê duyệt. Nội dung điều chỉnh cần tập trung vào những vấn đề thật sự cần thiết, gồm: đồng bộ hạ tầng giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị; cập nhật theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; thống nhất với Luật Công nghiệp công nghệ số; cập nhật địa danh theo đơn vị hành chính mới; điều chỉnh nhiệm vụ về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo chức năng, nhiệm vụ mới của các bộ, ngành.

Nhận định chung

Từ các xu thế nêu trên, có thể nhận định rằng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông của Việt Nam trong thời gian tới sẽ chuyển từ tư duy phát triển hạ tầng kỹ thuật riêng lẻ sang phát triển hạ tầng số đồng bộ, liên thông, dùng chung, an toàn và dựa trên dữ liệu. Hạ tầng thông tin và truyền thông sẽ ngày càng đóng vai trò nền tảng cho chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ số, quản trị quốc gia hiện đại và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Trong bối cảnh đó, việc điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cần được thực hiện theo hướng kế thừa định hướng đã được phê duyệt, đồng thời cập nhật những nội dung cần thiết để phù hợp với yêu cầu mới. Trọng tâm là rà soát, điều chỉnh các nội dung liên quan đến mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng bưu chính KT1, trung tâm bưu chính vùng, trung tâm bưu chính khu vực, khu công nghệ số tập trung, các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và phân tổ chức thực hiện Quy hoạch.

Việc điều chỉnh cần bảo đảm nguyên tắc không mở rộng phạm vi quá mức, không làm thay đổi mục tiêu, quan điểm và định hướng lớn của Quy hoạch, mà tập trung xử lý các vấn đề phát sinh từ thực tiễn: yêu cầu đồng bộ hạ tầng giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, quy định pháp luật mới về công nghiệp công nghệ số, chức năng nhiệm vụ mới của các bộ, ngành và yêu cầu quản trị dựa trên dữ liệu.

IV. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA QUY HOẠCH VỚI YÊU CẦU MỚI

IV.1. Nội dung tiếp tục kế thừa

Qua rà soát, Quy hoạch hạ tầng TTTT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp tục có giá trị định hướng quan trọng và phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.

Về tổng thể, Quy hoạch đã xác định đúng vai trò của hạ tầng TTTT là hạ tầng nền tảng cho chuyển đổi số quốc gia, tạo không gian phát triển mới cho kinh tế - xã hội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Quy hoạch cũng tiếp cận hạ tầng TTTT như một chỉnh thể thống nhất, phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, chia sẻ, dùng chung, kế thừa hợp lý hạ tầng đã được đầu tư, đồng thời gắn với yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

Đối với các cấu phần cụ thể, Quy hoạch đã xác định tương đối đầy đủ định hướng phát triển đối với mạng lưới chính; hạ tầng số, bao gồm hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng Internet, hệ thống truyền dẫn quốc tế, truyền dẫn trực quốc gia và Mạng truyền số liệu chuyên dùng; hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây; hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin, trong đó trọng tâm là các nền tảng số quy mô quốc gia, nền tảng số dùng chung; hạ tầng công nghiệp công nghệ thông tin; cùng hệ thống bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

Các nội dung này đã tạo cơ sở quan trọng cho việc mở rộng kết nối từ Trung ương đến cấp xã, phát triển trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và các nền tảng số dùng chung; đồng thời nâng cao năng lực truyền tải, lưu trữ, xử lý, chia sẻ dữ liệu số an toàn, tin cậy. Đây là những định hướng cần tiếp tục kế thừa trong bối cảnh chuyển đổi số đang chuyển mạnh sang yêu cầu liên thông, dùng chung hạ tầng, dùng chung nền tảng và khai thác dữ liệu phục vụ hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước và hệ thống chính quyền các cấp.

IV.2. Nội dung cần tiếp tục rà soát, cập nhật

Bên cạnh các nội dung tiếp tục có giá trị định hướng và cần được kế thừa, Quy hoạch hạ tầng TTTT cần tiếp tục được rà soát, cập nhật để phù hợp hơn với yêu cầu mới về liên thông, thống nhất, đồng bộ, dùng chung, bảo đảm an toàn, an ninh mạng và quản trị dựa trên dữ liệu trong toàn hệ thống chính trị. Nguyên nhân chủ yếu là Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 và đã được điều chỉnh tại Quyết định số 4409/QĐ-BKHCN ngày 24/12/2025, nhưng các yêu cầu mới về đồng bộ giữa 04 khối cơ quan, Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung tiếp tục đặt ra yêu cầu cao hơn đối với hạ tầng số, dữ liệu số và cơ chế vận hành liên thông. Trọng tâm rà soát, cập nhật gồm: mô hình hạ tầng số dùng chung phục vụ 04 khối cơ quan; cơ chế

tích hợp, chia sẻ dữ liệu và quản trị dữ liệu thống nhất; vai trò của Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong kết nối các nền tảng, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung.

Việc tiếp tục rà soát, cập nhật không làm thay đổi giá trị nền tảng của Quy hoạch hiện hành, mà nhằm kế thừa các nội dung còn phù hợp, đồng thời bổ sung, hoàn thiện các nội dung mới về liên thông số thống nhất, dùng chung hạ tầng, dùng chung nền tảng, dùng chung dữ liệu và vận hành thống nhất giữa 04 khối cơ quan theo mô hình quản trị dựa trên dữ liệu.

IV.3. Quan điểm rà soát, bổ sung, điều chỉnh

Một là, việc cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng TTTT cần kế thừa các định hướng còn phù hợp của Quy hoạch hiện hành, đồng thời tiếp tục hoàn thiện theo hướng phát triển hạ tầng số thống nhất, liên thông, dùng chung trong toàn hệ thống chính trị; hạn chế đầu tư phân tán, trùng lặp hạ tầng, nền tảng và dữ liệu.

Hai là, Quy hoạch sau điều chỉnh cần bảo đảm đồng bộ giữa 04 khối cơ quan, gồm: khối cơ quan Đảng; khối cơ quan Quốc hội; khối cơ quan Chính phủ, chính quyền địa phương; khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu, dùng chung hạ tầng, nền tảng, dịch vụ số và phối hợp vận hành.

Ba là, dữ liệu cần được xác định là một trong những trọng tâm của phát triển hạ tầng số. Hạ tầng thông tin và truyền thông phải đáp ứng yêu cầu thu thập, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, phân tích, khai thác dữ liệu an toàn, liên tục, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

Bốn là, việc cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch cần bảo đảm đồng bộ với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung, Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia và các quy định pháp luật có liên quan về quy hoạch, dữ liệu, an ninh mạng và chuyển đổi số.

V. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung về Quan điểm phát triển

Hạ tầng thông tin và truyền thông là một chỉnh thể thống nhất, hình thành trên cơ sở liên kết giữa mạng bưu chính, hạ tầng số, hạ tầng **công nghiệp công nghệ số**, các nền tảng chuyển đổi số quốc gia và hệ thống bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; **phát triển theo hướng đồng bộ, liên thông giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị (cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội), phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và mô hình quản trị dựa trên dữ liệu**, tạo lập môi trường an toàn, tin cậy cho phát

triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

2. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Phương án phát triển Mạng lưới chính KT1

"Hiện đại hóa mạng lưới chính KT1, **ứng dụng giải pháp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**, tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh cho mạng lưới chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

Triển khai **xây dựng phương án ứng phó, xử lý sự cố và tổ chức diễn tập** đảm bảo an toàn, an ninh trong tình huống khẩn cấp.

Vai trò công trình: Mạng được thiết lập và kết nối với mạng lưới chính công cộng để duy trì hoạt động chấp nhận, **khai thác**, vận chuyển và phát thư, gói, kiện tài liệu; tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước nhanh chóng, chính xác, kịp thời trong mọi tình huống".

3. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Phương án phát triển Mạng Truyền số liệu chuyên dùng (Mạng TSLCD)

Phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng là **hệ thống thông tin quy mô quốc gia, kết nối từ trung ương đến cấp xã phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**.

Định hướng phân bố không gian: Bố trí vị trí cho các trung tâm miền, trung tâm dự phòng; Trung tâm điều hành mạng tại Hà Nội và 03 trung tâm vận hành, khai thác mạng tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; các vị trí lắp đặt thiết bị tại các trung tâm tỉnh, **thành phố, xã, phường, đặc khu** trên toàn quốc.

Định hướng khai thác sử dụng: Mạng truyền số liệu chuyên dùng **cung cấp hạ tầng kết nối dùng chung để triển khai các mạng riêng ảo cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, phân hệ mạng mật truyền đưa thông tin, dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước**.

4. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Phương án phát triển Mạng thông tin thoại phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

Triển khai, nâng cấp, hiện đại hóa mạng điện thoại hệ đặc biệt, mạng di động mặt đất và các giải pháp bảo mật cơ yếu, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin phục vụ công tác chỉ đạo thường xuyên, liên lạc cơ mật, khẩn cấp của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đối tượng theo yêu cầu.

Định hướng phân bố không gian:

- Hệ thống thiết bị quản lý, điều khiển, giám sát (Hệ thống chuyển mạch lõi, các máy chủ quản lý, giám sát, cung cấp dịch vụ và thiết bị bảo đảm an toàn thông tin mạng) đặt tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thiết bị đầu cuối (Máy điện thoại, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật) cung cấp cho đối tượng sử dụng dịch vụ của Mạng điện thoại Hệ đặc biệt tại các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

5. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Phương án phát triển Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

Phát triển Mạng điện báo Hệ đặc biệt trở thành hệ thống phục vụ thông tin khẩn cấp, cơ mật của Đảng, Nhà nước trong mọi tình huống, bao gồm: **Hoàn thiện tổ chức mạng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**; sử dụng thiết bị với công nghệ hiện đại; ưu tiên quy hoạch phân bổ tần số vô tuyến điện; sử dụng các giải pháp bảo mật cơ yếu, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 5 theo quy định của pháp luật.

Định hướng phân bố không gian: Đài trưởng mạng tại Hà Nội, đài trung tâm miền Trung tại Đà Nẵng, đài trung tâm miền Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, đài điện báo tỉnh, đài điện báo **Đặc khu** và đài điện báo cơ động.

Quy mô công trình: Đài trưởng mạng tại Hà Nội, các đài trung tâm miền tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, mỗi trạm thành phần thuộc đài trưởng mạng, các đài Trung tâm miền có diện tích tối thiểu 0,1 ha. Đài tỉnh, **đặc khu** có diện tích tối thiểu 0,1 ha; đài cơ động được sử dụng trong khi di chuyển hay tạm dừng ở những điểm không cố định, phục vụ thông tin cho cơ quan Đảng, Nhà nước trong những trường hợp khẩn cấp, cơ mật.

6. Điều chỉnh, bổ sung nội dung "Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch":

Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ quá trình thực hiện quy hoạch giữa trung ương và địa phương, **giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong hệ thống chính trị; bảo đảm tính liên thông, thống nhất, dùng chung hạ tầng, nền tảng và dữ liệu, phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số**; bảo đảm các quy hoạch địa phương phải tuân thủ các định hướng của quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; phối hợp giữa các bộ, ngành để xử lý các vấn đề liên ngành, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

7. Thay thế, bổ sung một số cụm từ tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

a) Thay cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Bộ Khoa học và Công nghệ” tại các nội dung về trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện, phối hợp thực hiện Quy hoạch; trừ trường hợp viện dẫn tên cơ quan ban hành, cơ

quan trình hoặc cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm ban hành văn bản được dẫn chiếu trong Quy hoạch.

b) Thay cụm từ “công nghiệp công nghệ thông tin” bằng cụm từ “công nghiệp công nghệ số” tại các nội dung có liên quan đến định hướng phát triển ngành, khu, cụm, sản phẩm, dịch vụ và hệ sinh thái công nghệ số.

c) Thay cụm từ “khu công nghệ thông tin tập trung” bằng cụm từ “khu công nghệ số tập trung”; thay cụm từ “khu công nghệ thông tin tập trung và thành viên chuỗi khu công viên phần mềm” bằng cụm từ “khu công nghệ số tập trung và thành viên chuỗi khu công viên phần mềm”.

d) Thay cụm từ “các huyện đảo, đảo lớn của Việt Nam” bằng cụm từ “các đặc khu, xã đảo, đảo lớn của Việt Nam”.

8. Tại các nội dung có địa danh cấp tỉnh trong Quy hoạch, thay thế tên đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp bằng tên đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp tương ứng theo Nghị quyết số 202/2025/QH15. Cụ thể:

a. Tại mục Quy mô công trình của trung tâm Bưu chính vùng:

Quy mô công trình:

+ Trung tâm Bưu chính vùng 1 (Đặt tại Phú Thọ, phục vụ các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Lào Cai): trên 12 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 2 (Đặt tại Sơn La, phục vụ các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu): trên 5 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 3 (Đặt tại Thái Nguyên, phục vụ các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng): trên 5 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 4 (Đặt tại Hưng Yên, phục vụ tỉnh Hưng Yên): trên 8 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 5 (Đặt tại Bắc Ninh, phục vụ các tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn): trên 12 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 6 (Đặt tại thành phố Hải Phòng, phục vụ thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh): trên 15 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 7 (Đặt tại Ninh Bình, phục vụ tỉnh Ninh Bình): trên 10 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 8 (Đặt tại Nghệ An, phục vụ các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị): trên 15 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 9 (Đặt tại Khánh Hòa, phục vụ tỉnh Khánh Hòa): trên 12 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 10 (Đặt tại Đắk Lắk, phục vụ các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk): trên 7 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 11 (Đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, phục vụ Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh): trên 19 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 12 (Đặt tại Đồng Nai, phục vụ các tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng): trên 23 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 13 (Đặt tại Đồng Tháp, phục vụ các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long): trên 10 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 14 (Đặt tại thành phố Cần Thơ, phục vụ thành phố Cần Thơ và các tỉnh Cà Mau, An Giang): trên 26 ha;

+ Trung tâm Bưu chính khu vực miền Trung (Đặt tại thành phố Đà Nẵng, phục vụ thành phố Huế, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi): trên 14 ha.

b. Tại mục Định hướng phân bổ không gian công nghiệp công nghệ số:

Xây dựng một số khu công nghệ số tập trung ở các tỉnh, thành phố có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, phân bổ không gian theo vùng như sau:

+ Vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Tổ chức không gian phát triển hạ tầng khu công nghệ số tập trung phục vụ sản xuất phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông tại các địa phương Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Ninh.

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng: Các địa phương thuộc khu vực động lực phía Bắc, bao gồm: Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng là các tiêu vùng đi đầu cả nước về nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công nghệ số, tập trung phát triển một số ngành sản xuất công nghiệp công nghệ số và dịch vụ hiện đại như: công nghiệp điện tử công nghệ cao, sản xuất phần mềm, sản phẩm IoT... tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu.

+ Vùng Bắc Trung Bộ: Xây dựng Thanh Hóa, Nghệ An, Thành phố Huế thành trung tâm lớn của vùng về phát triển công nghiệp công nghệ số và là đầu mối liên kết của vùng với các vùng kinh tế khác của cả nước.

+ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: Xây dựng Đà Nẵng, Gia Lai, Khánh Hòa thành trung tâm lớn của vùng về phát triển công nghiệp công nghệ số và là đầu mối liên kết của vùng với các vùng kinh tế khác của cả nước; xây dựng Buôn Ma Thuột trở thành trung tâm tiêu vùng Nam Tây Nguyên, Thành phố Pleiku trở thành trung tâm tiêu vùng Bắc Tây Nguyên về phát triển một số dịch vụ, sản phẩm công nghệ số để giải quyết các bài toán xã hội, chuyển đổi số của khu vực, sản phẩm công nghiệp phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông.

+ Vùng Đông Nam Bộ: Phát triển vùng Đông Nam Bộ với hạt nhân là Thành phố Hồ Chí Minh về phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và là trung tâm nghiên cứu, chuyên gia và ứng dụng về công nghiệp công nghệ số của vùng và của cả nước. Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ số, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm IoT,... phục vụ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số tại Việt Nam.

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Phát triển Thành phố Cần Thơ thành trung tâm công nghiệp dữ liệu của khu vực, làm trung tâm phát triển công nghiệp công nghệ số của vùng, nơi tập trung các dịch vụ và công nghiệp công nghệ số đa dạng, chất lượng cao tập trung cho công cuộc chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp và phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng.

9. Bãi bỏ các nội dung về Nhóm dự án an toàn thông tin mạng, an ninh mạng tại Phần I. Nhóm các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông ưu tiên đầu tư (do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì) thuộc Phụ lục Danh mục dự án ưu tiên đầu tư lĩnh vực thông tin và truyền thông, để bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan có liên quan sau hợp nhất theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC: NỘI DUNG ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY HOẠCH VÀ LÝ DO

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
1	Quan điểm phát triển	<p>Hạ tầng thông tin và truyền thông là một chỉnh thể thống nhất, hình thành trên cơ sở liên kết giữa mạng lưới chính, hạ tầng số, hạ tầng công nghiệp công nghệ thông tin, các nền tảng chuyển đổi số quốc gia và hệ thống bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tạo lập môi trường an toàn tin cậy cho phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.</p>	<p>Hạ tầng thông tin và truyền thông là một chỉnh thể thống nhất, hình thành trên cơ sở liên kết giữa mạng lưới chính, hạ tầng số, hạ tầng công nghiệp công nghệ số, các nền tảng chuyển đổi số quốc gia và hệ thống bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; phát triển theo hướng đồng bộ, liên thông giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị (cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội), phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và mô hình quản trị dựa trên dữ liệu, tạo lập môi trường an toàn, tin cậy cho phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Căn cứ Công văn số 1734-CV/VPTW ngày 13/4/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW, giao Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN), Bộ Công an theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá, báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông (TTTT) theo hướng đồng bộ giữa 04 khối cơ quan, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (KH&CN/ĐMST/CĐS) và mô hình quản trị dựa trên dữ liệu.</p>

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
2	Mạng bưu chính KT1	Hiện đại hóa mạng bưu chính KT1, tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh cho mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.	<p>Sửa thành: Hiện đại hóa mạng bưu chính KT1, ứng dụng giải pháp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh cho mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3 Điều 7 Quyết định 32 của Thủ tướng về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước quy định: <i>Mạng bưu chính KT1 được đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đảm bảo chất lượng, an toàn, an ninh trong hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.</i> - Điều 7 Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 15/2022/TT-BTTTT có quy định về nội dung bảo đảm an toàn, an ninh: <i>Áp dụng giải pháp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, giám sát, điều hành Mạng bưu chính KT1, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và dữ liệu, chất lượng dịch vụ theo quy định của pháp luật.</i>
		Triển khai phương án chuyển phát trong tình huống khẩn cấp theo quy định của pháp luật.	<p>Sửa thành: Triển khai xây dựng phương án ứng phó, xử lý sự cố và tổ chức diễn tập đảm bảo an toàn, an ninh trong tình huống khẩn cấp</p> <p>Cơ sở đề xuất:</p> <p>Điều 7 Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 15/2022/TT-BTTTT có quy định về nội dung bảo đảm an toàn, an ninh: Hằng năm, xây dựng, triển khai kế hoạch, phương án bảo đảm an toàn, an ninh, dự phòng, ứng phó, xử lý sự cố và tổ chức diễn tập để hoạt động của Mạng bưu chính KT1 liên tục, an toàn, an ninh.</p> <p>* Thực tế: Hằng năm Mạng bưu chính KT1 đã triển khai xây dựng phương án, tổ chức diễn tập các tình huống rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng mạng lưới.</p>

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
		<p>Vai trò công trình</p> <p>Mạng được thiết lập và kết nối với mạng bưu chính công cộng để duy trì hoạt động chấp nhận, vận chuyển và phát thư, gói, kiện tài liệu; tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước nhanh chóng, chính xác, kịp thời trong mọi tình huống.</p>	<p>Sửa đổi: Vai trò công trình Mạng được thiết lập và kết nối với mạng bưu chính công cộng để duy trì hoạt động chấp nhận, khai thác, vận chuyển và phát thư, gói, kiện tài liệu; tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước nhanh chóng, chính xác, kịp thời trong mọi tình huống.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Bổ sung chức năng "Khai thác" để thể hiện đầy đủ các khâu hoạt động của mạng Bưu chính (căn cứ Điều 4 Quyết định 32/2025/QĐ-TTg).</p>
3	Mạng Truyền số liệu chuyên dùng (Mạng TSLCD)		

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
		Phát triển mạng TSLCD trở thành hạ tầng truyền dẫn căn bản thống nhất, ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã, kết nối các thành phần của Chính phủ điện tử, Chính phủ số.	<p>Sửa thành: Phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng là hệ thống thông tin quy mô quốc gia, kết nối từ trung ương đến cấp xã phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Khoản 1, Điều 4, Quyết định 33/2025/QĐ-TTg: "Mạng truyền số liệu chuyên dùng là hệ thống thông tin quy mô quốc gia, kết nối từ trung ương đến cấp xã phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam"</p>
		<p>Định hướng phân bố không gian</p> <p>Bố trí vị trí cho các trung tâm miền, trung tâm dự phòng; Trung tâm điều hành mạng tại Hà Nội và 03 trung tâm vận hành, khai thác mạng tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh; các vị trí lắp đặt thiết bị tại các trung tâm tỉnh, huyện, xã trên toàn quốc.</p>	<p>Sửa thành: Bố trí vị trí cho các trung tâm miền, trung tâm dự phòng; Trung tâm điều hành mạng tại Hà Nội và 03 trung tâm vận hành, khai thác mạng tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh; các vị trí lắp đặt thiết bị tại các trung tâm tỉnh, thành phố, xã, phường, đặc khu trên toàn quốc.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Bỏ "huyện" để phù hợp với mô hình tổ chức mới. Bổ sung "thành phố, phường, đặc khu" để thể hiện đầy đủ về vị trí lắp đặt thiết bị, phù hợp mô hình tổ chức mới.</p>
		<p>Định hướng khai thác sử dụng</p> <p>Mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến cấp xã; kết nối các hệ thống thông tin, nền</p>	<p>Sửa thành: Mạng truyền số liệu chuyên dùng cung cấp hạ tầng kết nối dùng chung để triển khai các mạng riêng ảo cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, phân hệ mạng mật truyền đưa thông tin, dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.</p> <p>Cơ sở đề xuất:</p>

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
		tăng, ứng dụng phục vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số.	Khoản 8, Điều 4, Quyết định 33/2025/QĐ-TT: "Mạng truyền số liệu chuyên dùng cung cấp hạ tầng kết nối dùng chung để triển khai các mạng riêng ảo cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, phân hệ mạng mật truyền đưa thông tin, dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước và các mạng viễn thông dùng riêng khác phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước "
4	Mạng thông tin thoại phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước		
		Nâng cấp, hiện đại hóa mạng thông tin thoại cố định mặt đất và thiết lập mạng di động mặt đất; triển khai phân hệ dùng riêng và các giải pháp bảo mật cơ yếu, bảo đảm an toàn thông tin cấp độ 5 phục vụ liên lạc cơ mật, khẩn cấp của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đối tượng theo yêu cầu.	<p>Sửa thành: Triển khai, nâng cấp, hiện đại hóa mạng điện thoại hệ đặc biệt, mạng di động mặt đất và các giải pháp bảo mật cơ yếu, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin phục vụ công tác chỉ đạo thường xuyên, liên lạc cơ mật, khẩn cấp của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đối tượng theo yêu cầu.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Đồng nhất thuật ngữ tại Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg về Mạng điện thoại Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (Mật).</p>

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
		<p>Định hướng phân bổ không gian</p> <p>. Hệ thống chuyển mạch trung tâm, các trạm vệ tinh của mạng thông tin thoại phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước đặt tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>. Thiết bị đầu cuối thuê bao: lắp đặt tại cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương, khu vực làm việc của các lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đối tượng phục vụ của mạng.</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>- Hệ thống thiết bị quản lý, điều khiển, giám sát (Hệ thống chuyển mạch lõi, các máy chủ quản lý, giám sát, cung cấp dịch vụ và thiết bị bảo đảm an toàn thông tin mạng) đặt tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Thiết bị đầu cuối (Máy điện thoại, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật) cung cấp cho đối tượng sử dụng dịch vụ của Mạng điện thoại Hệ đặc biệt tại các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.</p> <p>Cơ sở đề xuất:</p> <p>Khoản 2 Điều 4 tại Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg về Mạng điện thoại Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước:</p> <p>2. Mạng điện thoại Hệ đặc biệt bao gồm các thành phần sau:</p> <p>a) Hệ thống thiết bị quản lý, điều khiển, giám sát: hệ thống thiết bị chuyển mạch lõi, các máy chủ quản lý, giám sát, cung cấp dịch vụ và thiết bị bảo đảm an toàn thông tin mạng tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>b) Hạ tầng truyền tải: hạ tầng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước; hạ tầng mạng ngoại vi đến đối tượng sử dụng dịch vụ của Mạng điện thoại Hệ đặc biệt.</p> <p>c) Thiết bị đầu cuối: máy điện thoại, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật cung cấp cho đối tượng sử dụng dịch vụ của Mạng điện thoại Hệ đặc biệt</p>

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
		<p>Định hướng khai thác sử dụng</p> <p>Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý, vận hành mạng thông tin thoại phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.</p>	<p>Sửa thành: Định hướng khai thác sử dụng Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, vận hành mạng thông tin thoại phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Tháng 3/2025, Bộ TT&TT sáp nhập với Bộ KH&CN lấy tên là Bộ KH&CN theo Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02/3/2025.</p>
5	Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước		
		<p>Phát triển Mạng điện báo Hệ đặc biệt trở thành hệ thống phục vụ thông tin khẩn cấp, cơ mật của Đảng, Nhà nước trong mọi tình huống, bao gồm: Hoàn thiện tổ chức mạng theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; sử dụng thiết bị với công nghệ hiện đại; ưu tiên quy hoạch phân bổ tần số vô tuyến điện; sử dụng các giải pháp bảo mật cơ yếu, bảo đảm</p>	<p>Sửa thành: 'Phát triển Mạng điện báo Hệ đặc biệt trở thành hệ thống phục vụ thông tin khẩn cấp, cơ mật của Đảng, Nhà nước trong mọi tình huống, bao gồm: Hoàn thiện tổ chức mạng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; sử dụng thiết bị với công nghệ hiện đại; ưu tiên quy hoạch phân bổ tần số vô tuyến điện; sử dụng các giải pháp bảo mật cơ yếu, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 5 theo quy định của pháp luật.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Không ghi tên cụ thể Quyết định 03/2020/QĐ-TTg (Mật) vì hiện tại đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung (thay thế) Quyết định 03/2020/QĐ-TTg mà chỉ viết "Hoàn thiện tổ chức mạng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ"</p>

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
		an toàn hệ thống thông tin cấp độ 5 theo quy định của pháp luật.	
		<p>Định hướng phân bố không gian</p> <p>Đài trưởng mạng tại Hà Nội, đài trung tâm miền Trung tại Đà Nẵng, đài trung tâm miền Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, đài điện báo tỉnh, đài điện báo huyện đảo và đài điện báo cơ động.</p>	<p>Sửa thành: Định hướng phân bố không gian Đài trưởng mạng tại Hà Nội, đài trung tâm miền Trung tại Đà Nẵng, đài trung tâm miền Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, đài điện báo tỉnh, đài điện báo Đặc khu và đài điện báo cơ động.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Thay "huyện đảo" thành "đặc khu" cho phù hợp với mô hình tổ chức mới.</p>
		<p>Quy mô công trình</p> <p>Đài trưởng mạng tại Hà Nội, các đài trung tâm miền tại thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, mỗi trạm thành phần thuộc đài trưởng mạng, các đài Trung tâm miền có diện tích tối thiểu 0,1 ha. Đài tỉnh, huyện đảo có diện tích tối thiểu 0,1 ha; đài cơ động được sử dụng trong khi di chuyển hay tạm dừng ở những điểm không cố định, phục vụ thông tin cho cơ quan Đảng, Nhà nước trong những trường hợp khẩn cấp, cơ mật.</p>	<p>Sửa thành: Quy mô công trình</p> <p>Đài trưởng mạng tại Hà Nội, các đài trung tâm miền tại thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, mỗi trạm thành phần thuộc đài trưởng mạng, các đài Trung tâm miền có diện tích tối thiểu 0,1 ha. Đài tỉnh, Đặc khu có diện tích tối thiểu 0,1 ha; đài cơ động được sử dụng trong khi di chuyển hay tạm dừng ở những điểm không cố định, phục vụ thông tin cho cơ quan Đảng, Nhà nước trong những trường hợp khẩn cấp, cơ mật.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Thay "huyện đảo" thành "đặc khu" cho phù hợp với mô hình tổ chức mới.</p>

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
6	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch	Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ quá trình thực hiện quy hoạch giữa trung ương và địa phương, bảo đảm các quy hoạch địa phương phải tuân thủ các định hướng của quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; phối hợp giữa các bộ, ngành để xử lý các vấn đề liên ngành, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông	Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ quá trình thực hiện quy hoạch giữa trung ương và địa phương, giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong hệ thống chính trị; bảo đảm tính liên thông, thống nhất, dùng chung hạ tầng, nền tảng và dữ liệu, phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo đảm các quy hoạch địa phương phải tuân thủ các định hướng của quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; phối hợp giữa các bộ, ngành để xử lý các vấn đề liên ngành, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.
7			Thay thế, bổ sung một số cụm từ tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ như sau: a) Thay cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Bộ Khoa học và Công nghệ” tại các nội dung về trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện, phối hợp thực hiện Quy hoạch; trừ trường hợp viện dẫn tên cơ quan ban hành, cơ quan trình hoặc cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm ban hành văn bản được dẫn chiếu trong Quy hoạch. b) Thay cụm từ “công nghiệp công nghệ thông tin” bằng cụm từ “công nghiệp công nghệ số” tại các nội dung có liên quan đến định hướng phát triển ngành, khu, cụm, sản phẩm, dịch vụ và hệ sinh thái công nghệ số. c) Thay cụm từ “khu công nghệ thông tin tập trung” bằng cụm từ “khu công nghệ

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
			<p>số tập trung”; thay cụm từ “khu công nghệ thông tin tập trung và thành viên chuỗi khu công viên phần mềm” bằng cụm từ “khu công nghệ số tập trung và thành viên chuỗi khu công viên phần mềm”.</p> <p>d) Thay cụm từ “các huyện đảo, đảo lớn của Việt Nam” bằng cụm từ “các đặc khu, xã đảo, đảo lớn của Việt Nam”.</p> <p>7. Tại các nội dung có địa danh cấp tỉnh trong Quy hoạch, thay thế tên đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp bằng tên đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp tương ứng theo Nghị quyết số 202/2025/QH15. Cụ thể:</p> <p>a. Tại mục Quy mô công trình của trung tâm Bưu chính vùng:</p> <p style="padding-left: 40px;">Quy mô công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trung tâm Bưu chính vùng 1 (Đặt tại Phú Thọ, phục vụ các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Lào Cai): trên 12 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 2 (Đặt tại Sơn La, phục vụ các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu): trên 5 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 3 (Đặt tại Thái Nguyên, phục vụ các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng): trên 5 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 4 (Đặt tại Hưng Yên, phục vụ tỉnh Hưng Yên): trên 8 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 5 (Đặt tại Bắc Ninh, phục vụ các tỉnh Bắc

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
			<p>Ninh, Lạng Sơn): trên 12 ha;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trung tâm Bưu chính vùng 6 (Đặt tại thành phố Hải Phòng, phục vụ thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh): trên 15 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 7 (Đặt tại Ninh Bình, phục vụ tỉnh Ninh Bình): trên 10 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 8 (Đặt tại Nghệ An, phục vụ các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị): trên 15 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 9 (Đặt tại Khánh Hòa, phục vụ tỉnh Khánh Hòa): trên 12 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 10 (Đặt tại Đắk Lắk, phục vụ các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk): trên 7 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 11 (Đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, phục vụ Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh): trên 19 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 12 (Đặt tại Đồng Nai, phục vụ các tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng): trên 23 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 13 (Đặt tại Đồng Tháp, phục vụ các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long): trên 10 ha; + Trung tâm Bưu chính vùng 14 (Đặt tại thành phố Cần Thơ, phục vụ

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
			<p>thành phố Cần Thơ và các tỉnh Cà Mau, An Giang): trên 26 ha;</p> <p>+ Trung tâm Bru chính khu vực miền Trung (Đặt tại thành phố Đà Nẵng, phục vụ thành phố Huế, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi): trên 14 ha.</p> <p>b. Tại mục Định hướng phân bố không gian công nghiệp công nghệ số:</p> <p>Xây dựng một số khu công nghệ số tập trung ở các tỉnh, thành phố có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, phân bố không gian theo vùng như sau:</p> <p>+ Vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Tổ chức không gian phát triển hạ tầng khu công nghệ số tập trung phục vụ sản xuất phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông tại các địa phương Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Ninh.</p> <p>+ Vùng Đồng bằng sông Hồng: Các địa phương thuộc khu vực động lực phía Bắc, bao gồm: Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng là các tiểu vùng đi đầu cả nước về nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công nghệ số, tập trung phát triển một số ngành sản xuất công nghiệp công nghệ số và dịch vụ hiện đại như: công nghiệp điện tử công nghệ cao, sản xuất phần mềm, sản phẩm IoT... tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu.</p> <p>+ Vùng Bắc Trung Bộ: Xây dựng Thanh Hóa, Nghệ An, Thành phố Huế</p>

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
			<p>thành trung tâm lớn của vùng về phát triển công nghiệp công nghệ số và là đầu mối liên kết của vùng với các vùng kinh tế khác của cả nước.</p> <p>+ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: Xây dựng Đà Nẵng, Gia Lai, Khánh Hòa thành trung tâm lớn của vùng về phát triển công nghiệp công nghệ số và là đầu mối liên kết của vùng với các vùng kinh tế khác của cả nước; xây dựng Buôn Ma Thuột trở thành trung tâm tiểu vùng Nam Tây Nguyên, Thành phố Pleiku trở thành trung tâm tiểu vùng Bắc Tây Nguyên về phát triển một số dịch vụ, sản phẩm công nghệ số để giải quyết các bài toán xã hội, chuyển đổi số của khu vực, sản phẩm công nghiệp phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông.</p> <p>+ Vùng Đông Nam Bộ: Phát triển vùng Đông Nam Bộ với hạt nhân là Thành phố Hồ Chí Minh về phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và là trung tâm nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng về công nghiệp công nghệ số của vùng và của cả nước. Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ số, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm IoT,... phục vụ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số tại Việt Nam.</p> <p>+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Phát triển Thành phố Cần Thơ thành trung tâm công nghiệp dữ liệu của khu vực, làm trung tâm phát triển công nghiệp công nghệ số của vùng, nơi tập trung các dịch vụ và công nghiệp</p>

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Đề xuất của điều chỉnh, bổ sung
			<p>công nghệ số đa dạng, chất lượng cao tập trung cho công cuộc chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp và phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng.</p> <p><u>Cơ sở đề xuất:</u></p> <p>Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh</p> <p>Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời được cụ thể hóa tại các quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch 06 vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>
8			<p>Bãi bỏ các nội dung về Nhóm dự án an toàn thông tin mạng, an ninh mạng tại Phần I. Nhóm các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông ưu tiên đầu tư (do Bộ Thông tin và truyền thông chủ trì) thuộc Phụ lục Danh mục dự án ưu tiên đầu tư lĩnh vực thông tin và truyền thông.</p> <p><u>Cơ sở đề xuất:</u></p> <p>Để bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan có liên quan sau hợp nhất theo quy định của pháp luật.</p>